

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

SỔ TAY PHÁP LUẬT

DÀNH CHO NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

VÀ PHẠM NHÂN

(Tái bản lần thứ nhất)

HÀ NỘI, tháng 12 năm 2014

LỜI GIỚI THIỆU

Kể từ năm 2009 cho tới nay, Hội Luật gia Việt Nam đã và đang thực hiện thí điểm mô hình phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau bốn năm thực hiện hoạt động này, Hội Luật gia Việt Nam nhận thấy những người bị tạm giữ, tạm giam và những người đang chấp hành hình phạt tù có một nhu cầu rất lớn được tìm hiểu các quy định của pháp luật liên quan đến hoàn cảnh của họ, đặc biệt là các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Quy chế về tạm giữ, tạm giam...

Để góp phần giúp người đang chấp hành án phạt tù, người bị tạm giữ, người bị tạm giam hiểu và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ cũng như các chế độ của mình theo pháp luật, qua đó giúp họ tránh được các sai phạm khi đang chấp hành hình phạt tù hay đang bị tạm giữ, tạm giam, cũng như có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng các quyền, chế độ mà họ được hưởng, Hội Luật gia Việt Nam phối hợp với Chi hội Luật gia Bộ Công an xây dựng cuốn Sổ tay pháp luật dành cho người bị tạm giữ, tạm giam và phạm nhân. Cuốn sổ tay cũng sẽ là một tài liệu hữu ích đối với người thân, người đại diện hợp pháp của người đang chấp hành án phạt tù, người bị tạm giữ, tạm giam và các tư vấn viên của các Trung tâm Tư vấn pháp luật của Hội Luật gia các cấp đang làm công tác tư vấn pháp luật tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam.

Hội Luật gia Việt Nam hy vọng cuốn Sổ tay này cũng sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích đối các cơ quan

có liên quan khác và những cá nhân có quan tâm đến các hoạt động tổ tụng hình sự.

Hội Luật gia Việt Nam trân trọng cảm ơn các cán bộ Vụ Pháp chế (nay là Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp) Bộ Công an, cán bộ Bộ Tư pháp đã phối hợp và giúp đỡ Hội xây dựng cuốn Sổ tay.

Cuốn sổ tay được xây dựng và phát hành với sự hỗ trợ tài chính của Ủy ban nhân quyền Ôt-xơ-rây-li-a trong khuôn khổ Chương trình hợp tác kỹ thuật về nhân quyền giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ôt-xơ-rây-li-a giai đoạn IV do Bộ Ngoại giao làm đầu mối.

Sau hai năm đưa vào sử dụng, trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý của người sử dụng, Hội Luật gia Việt Nam đã hiệu chỉnh nội dung cuốn Sổ tay để phục vụ cho tái bản lần thứ nhất. Hội Luật gia Việt Nam mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để ấn phẩm ngày càng hoàn thiện hơn.

Hà Nội, tháng 12 năm 2014
Hội Luật gia Việt Nam

MỤC LỤC

Chương I

TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Trợ giúp pháp lý là gì	10
Điều kiện để được trợ giúp pháp lý	11
Các lĩnh vực pháp luật mà người được trợ giúp pháp lý có thể được trợ giúp	13
Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	13
<i>Về Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý</i>	<i>13</i>
<i>Về các giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý</i>	<i>14</i>
<i>Thủ tục trợ giúp pháp lý trong các vụ hình sự</i>	<i>18</i>

Chương II

HỒI CUNG

BIÊN BẢN HỒI CUNG BỊ CAN.....	22
-------------------------------	----

Chương III

XÉT XỬ TẠI TÒA ÁN

I. XÉT XỬ SƠ THẨM	24
Việc áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn ...	24
Quyền và nghĩa vụ của bị cáo sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử	24
Có mặt tại Tòa và xét xử vắng mặt	26
Thành phần tham gia phiên tòa khi bị cáo là người chưa thành niên	27
Thành phần Hội đồng xét xử đối với người chưa thành niên	27
Tiếp xúc với người bào chữa và những người khác	27
Yêu cầu hoãn phiên tòa	28

Xét hỏi tại phiên toà	28
Tranh luận tại phiên toà	29
Bị cáo nói lời sau cùng	29
Nghị án và tuyên án	30
Trả tự do tại Tòa	30
Bị bắt tạm giam sau khi tuyên án	31
II. XÉT XỬ PHÚC THẨM	32
Quyền kháng cáo, kháng nghị	32
Thời hạn kháng cáo	33
Kháng cáo quá hạn	34
Bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo	35
Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn chờ xét xử phúc thẩm	35
Việc thi hành bản án trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm	36
Thủ tục phiên toà phúc thẩm	36
Chương IV	
THI HÀNH BẢN ÁN VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN	37
Thời hạn có hiệu lực pháp luật của bản án và quyết định; việc ra quyết định thi hành án	37
Thi hành hình phạt tù	38
Hoãn chấp hành hình phạt tù	38
Những điều cần biết trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù ...	39
Điều kiện để được giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt	42
Việc chấp hành hình phạt tù của người chưa thành niên	46

Thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ	46
Thi hành hình phạt trục xuất	46
Thi hành hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú	47
Thi hành hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản	47
Chương V	
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM	48
MỤC I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	48
I. NHỮNG TRƯỜNG HỢP CÓ THỂ BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM	48
1. Những trường hợp có thể bị tạm giữ	48
2. Những trường hợp có thể bị tạm giam	50
II. THỜI HẠN TẠM GIỮ, TẠM GIAM	52
1. Thời hạn tạm giữ	52
2. Thời hạn tạm giam	53
2.1. Thời hạn tạm giam để điều tra	53
2.2. Thời hạn tạm giam để phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại	56
2.3. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố	58
2.4. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm	59
2.5. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn xét xử phúc thẩm	60
MỤC II: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM	61
I. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ	61
Quyền của người bị tạm giữ	62
Nghĩa vụ của người bị tạm giữ	63
II. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIAM	63
Quyền của bị can	63

Quyền của bị cáo	66
Nghĩa vụ của người bị tạm giam	67
III. CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM	68
3.1. Chế độ quản lý tạm giữ, tạm giam	68
3.2. Chế độ ăn, mặc, ở	69
3.2.1. <i>Chế độ ăn</i>	69
3.2.2. <i>Chế độ ở và mặc</i>	70
3.3. Chế độ chăm sóc y tế	71
3.3.1. <i>Về khám, chữa bệnh</i>	71
3.3.2. <i>Trường hợp bắt buộc chữa bệnh</i>	72
3.4. Chế độ sinh hoạt văn hóa	72
3.5. Một số chế độ khác	73
3.5.1. <i>Chế độ liên lạc</i>	73
3.5.2. <i>Về đồ dùng cá nhân</i>	73
3.5.3. <i>Khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giữ, tạm giam</i>	74
3.5.4. <i>Chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam</i>	74
3.6. Chế độ đối với người nước ngoài bị tạm giữ, tạm giam	75
3.7. Trích xuất người bị tạm giữ, tạm giam ...	75
3.8. Chế độ đối với người bị kết án tử hình bị tạm giam	76
3.9. Khen thưởng, xử lý vi phạm	76

Chương VI

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA PHẠM NHÂN

1. Quyền của phạm nhân	79
1.1. <i>Quyền lao động</i>	79

1.2. Quyền học tập	80
1.3. Quyền được chăm sóc y tế	81
1.4. Quyền được tôn trọng nhân phẩm, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp	84
1.5. Quyền khiếu nại, tố cáo	85
2. Nghĩa vụ của phạm nhân	87
3. Chế độ đối với phạm nhân	94
3.1. Chế độ quản lý, giam giữ	94
3.2. Chế độ ăn, ở	96
3.3. Chế độ mặc và tư trang	98
3.4. Chế độ thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ	100
3.5. Chế độ gặp thân nhân, nhận quà	101
3.6. Về chế độ liên lạc với thân nhân	103
3.7. Khen thưởng	106
3.8. Xử lý vi phạm	106

CHƯƠNG I

TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Trợ giúp pháp lý là gì

Điều 3,
Điều 27
Luật Trợ
giúp pháp lý

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí, bao gồm: tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa (kể cả tại toà án và các cơ quan ngoài toà án), giúp làm kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền và hoà giải trong một số trường hợp.

Các tổ chức cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý bao gồm:

Điều 13
Luật Trợ
giúp pháp lý

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước và các Chi nhánh của Trung tâm. Tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có một Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp. Mỗi Trung tâm có thể có một vài chi nhánh đặt tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Trung tâm Tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia Việt Nam. Tại hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước đều có một Trung tâm Tư vấn pháp luật trực thuộc Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các Trung tâm này, ngoài việc cung cấp các dịch vụ pháp lý có thu, đều có cung cấp các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Các Trung tâm Tư vấn pháp luật thuộc

các tổ chức chính trị xã hội khác như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động...

Điều kiện để được trợ giúp pháp lý

Điều 10
Luật Trợ
giúp pháp
lý;

Điều 2 Nghị
định
07/2007/NĐ
-CP ngày
12/01/2007
của Chính
phủ quy
định chi tiết
và hướng
dẫn thi hành
một số điều
của Luật
Trợ giúp
pháp lý
(Nghị định
07/2007/NĐ
-CP)

Người được trợ giúp pháp lý là những người thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Người nghèo: Là những người sống trong hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người là 400.000 đồng/người/tháng (đối với khu vực nông thôn) hoặc 500.000 đồng/người/tháng (đối với khu vực thành thị). Chuẩn xác định hộ nghèo này áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015. Các giai đoạn tiếp theo chuẩn này có thể thay đổi.

2. Người có công với cách mạng: gồm những người sau:

a) Người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

c) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động;

d) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

đ) Bệnh binh;

e) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

g) Người hoạt động cách mạng, hoạt

động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

h) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;

i) Người có công giúp đỡ cách mạng;

k) Cha, mẹ, vợ, chồng của liệt sĩ; con của liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

3. Người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa: gồm những người sau:

- Người già từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không có nơi nương tựa;

- Người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn hoặc là người bị nhiễm chất độc hoá học, bị nhiễm HIV hoặc bị các bệnh khác làm mất năng lực hành vi dân sự mà không có nơi nương tựa;

- Trẻ em dưới 16 tuổi không nơi nương tựa.

4. Người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các lĩnh vực pháp luật mà người được trợ giúp pháp lý có thể được trợ giúp

Điều 34
Nghị định
07/2007/NĐ
-CP

Người được trợ giúp pháp lý sẽ được trợ giúp trong hầu hết các lĩnh vực pháp luật, trừ pháp luật liên quan đến kinh doanh, thương mại.

Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý

Điều 33
Luật Trợ
giúp pháp
lý;
Thông tư
của Bộ Tư
pháp số
05/2008/TT
-BTP ngày
23 tháng 9
năm 2008
hướng dẫn
về nghiệp
vụ trợ giúp
pháp lý và
quản lý nhà
nước về trợ
giúp pháp lý

Để được trợ giúp pháp lý, người yêu cầu cần phải có *đơn yêu cầu* và có *giấy tờ chứng minh là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý* (theo các điều kiện đã nêu ở trên). Ngoài ra, người yêu cầu cũng cần mang theo tất cả các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến vụ việc để tổ chức trợ giúp pháp lý hiểu kỹ hơn về các tình tiết liên quan đến vụ việc của họ và có thể trợ giúp một cách tốt nhất.

Về Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý

Người có nhu cầu trợ giúp pháp lý có thể viết Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý theo mẫu (phát miễn phí tại các tổ chức trợ giúp pháp lý) hoặc tự viết đơn và có chữ ký hoặc điểm chỉ của họ.

Người có yêu cầu trợ giúp pháp lý cũng có thể nhờ người đại diện, người giám hộ viết đơn, ký tên và nộp đơn thay mình, trừ trường hợp giữa họ với người đại diện, người giám hộ có mâu thuẫn về quyền, lợi ích hợp pháp.

Về các giấy tờ chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý

a) Nếu thuộc diện người nghèo, người yêu cầu trợ giúp pháp lý cần có một trong các giấy tờ sau đây:

- Bản chính hoặc bản sao Sổ hộ nghèo, Thẻ hộ nghèo, Giấy xác nhận thuộc diện nghèo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) hoặc cơ quan lao động, thương binh và xã hội, cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nơi người yêu cầu trợ giúp pháp lý làm việc hoặc cư trú;

- Các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết được người có tên trong giấy tờ đó là người thuộc diện hộ nghèo (như Thẻ khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, Sổ vay vốn ngân hàng chính sách xã hội của người nghèo...).

b) Nếu thuộc diện người có công với cách mạng, người yêu cầu trợ giúp pháp lý cần có một trong các giấy tờ sau đây:

- Quyết định công nhận thuộc một trong các trường hợp là người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Giấy xác nhận thuộc diện người có công với cách mạng của cơ quan lao động, thương binh và xã hội hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có yêu cầu cư

trú cấp;

- Giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Giấy chứng nhận bệnh binh;

- Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, Bằng Tổ quốc ghi công kèm theo giấy tờ xác nhận về mối quan hệ thân nhân (cha, mẹ đẻ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi hoặc không có năng lực hành vi dân sự...) với liệt sĩ (như Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh...) hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Huân chương, Huy chương hoặc giấy tờ xác nhận khác có ghi nhận họ thuộc diện người có công với cách mạng;

- Bằng có công với nước, Kỷ niệm chương hoặc giấy chứng nhận bị địch bắt, tù đầy;

- Các loại giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết được người có tên trong giấy tờ đó là người có công với cách mạng;

- Trong trường hợp những người thuộc diện người có công với cách mạng bị thất lạc giấy tờ thì cơ quan lao động, thương binh và xã hội hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

c) Nếu người yêu cầu trợ giúp pháp lý

thuộc diện người già cô đơn không nơi nương tựa thì khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây:

- Giấy xác nhận là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không nơi nương tựa của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà dưỡng lão, tổ chức chính trị - xã hội nơi người đó sinh hoạt;

- Các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là người già cô đơn không nơi nương tựa.

d) Nếu người yêu cầu trợ giúp pháp lý thuộc diện người tàn tật không nơi nương tựa khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây:

- Giấy xác nhận là người tàn tật không nơi nương tựa của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú; giấy xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội, Hội người tàn tật hoặc của cơ sở trợ giúp người tàn tật khác hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, sinh hoạt;

- Các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là người tàn tật không nơi nương tựa.

đ) Nếu người yêu cầu trợ giúp pháp lý thuộc diện trẻ em không nơi nương tựa khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý cần xuất trình

một trong các giấy tờ sau đây:

- Giấy xác nhận là trẻ em không nơi nương tựa của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em đó cư trú; giấy xác nhận của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà tình thương, cơ sở trợ giúp trẻ em khác hoặc của cơ quan lao động, thương binh và xã hội;

- Bản chính hoặc bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao chụp từ bản chính có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các giấy tờ hợp pháp khác mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là trẻ em không nơi nương tựa.

e) Nếu người yêu cầu giúp pháp lý thuộc diện người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý cần xuất trình một trong các giấy tờ sau đây:

- Giấy xác nhận là người dân tộc thiểu số của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, sinh hoạt;

- Sổ hộ khẩu gia đình thể hiện người có yêu cầu là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có thể chứng minh người có yêu cầu là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng

có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các đối tượng được trợ giúp pháp lý theo các Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận quốc tế thì khi có yêu cầu họ phải có giấy tờ chứng minh thuộc diện người được trợ giúp pháp lý theo Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận quốc tế đó.

Thủ tục trợ giúp pháp lý trong các vụ hình sự

Thông tư
liên tịch số
10/2007/TT
LT –BTP-
BCA-BQP-
BTC-
VKSNDTC
-TATC của
Bộ Tư
pháp- Bộ
Công An-
Bộ Quốc
Phòng-Bộ
Tài chính-
Viện kiểm
sát nhân dân
tối cao- Tòa
án nhân dân
tối cao
ngày 28
tháng 12
năm 2007

Theo quy định của pháp luật, những người tiến hành tố tụng (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án) có trách nhiệm giải thích cho những người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo biết về quyền được trợ giúp pháp lý của họ (nếu họ đủ điều kiện như nêu ở trên) và cung cấp cho họ các thông tin về trợ giúp pháp lý .

Trường hợp người được trợ giúp pháp lý đang bị tạm giữ, tạm giam thì Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ có trách nhiệm hướng dẫn họ viết đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và đơn của họ được các cá nhân, đơn vị này chuyển đến Trung tâm hoặc Chi nhánh trợ giúp pháp lý nơi họ yêu cầu hoặc tại địa bàn nơi đặt trụ sở

hướng dẫn
áp dụng một
số quy định
về trợ giúp
pháp lý
trong hoạt
động tố
tụng

của cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý
vụ án hoặc nơi đặt Trại tạm giam, Nhà tạm
giữ.

CHƯƠNG II

HỎI CUNG

Điều 131 Bộ
luật Tố tụng
hình sự năm
2003
(BLTTHS
năm 2003)

Ngay sau khi cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can, Điều tra viên có thể tiến hành hỏi cung bị can tại trụ sở của cơ quan điều tra hoặc tại nơi tiến hành điều tra hoặc nơi ở của bị can. Nếu vụ án có nhiều bị can thì việc hỏi cung được tiến hành riêng đối với từng người một; các bị can trong cùng một vụ án không được tiếp xúc với nhau. Trong trường hợp cần thiết hoặc nếu bị can yêu cầu thì Điều tra viên có thể cho bị can tự viết lời khai của mình.

Pháp luật ngăn cấm việc hỏi cung vào ban đêm, tuy nhiên, có những ngoại lệ khi có những trường hợp không thể trì hoãn. Trong trường hợp này, lý do phải được ghi rõ trong biên bản hỏi cung.

Trước khi tiến hành hỏi cung (lần đầu tiên), Điều tra viên phải đọc quyết định khởi tố bị can và giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ của bị can theo quy định của pháp luật. Việc đọc và giải thích nói trên phải được ghi vào biên bản.

Khi hỏi cung bị can nếu vắng mặt người bào chữa, người đại diện hợp pháp (do bị can mời không đến hoặc người bào chữa, người đại diện hợp pháp không đến được) thì Điều tra viên vẫn phải tiến hành

hỏi cung bị can.

Trong trường hợp cần thiết, khi hồ sơ vụ án đã chuyển sang Viện Kiểm sát thì Kiểm sát viên có thể hỏi cung bị can. Việc hỏi cung của Kiểm sát viên phải tuân theo quy định có liên quan của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong quá trình hỏi cung, Điều tra viên hay Kiểm sát viên không được bức cung hay dùng nhục hình đối với bị can (hành vi dùng nhục hình là các hành vi tác động lên thể chất của bị can, gây đau đớn lên thân thể của bị can như đâm, đá, đánh roi... Hành vi bức cung là hành vi sử dụng các thủ đoạn trái pháp luật buộc bị can phải khai báo sai sự thật).

Những hành vi bức cung hay dùng nhục hình sẽ bị xử lý theo các quy định tại Điều 298 và 299 của Bộ luật hình sự về tội dùng nhục hình, tội bức cung. Hình phạt đối với tội dùng nhục hình thấp nhất là 6 tháng tù và cao nhất là 12 năm tù; đối với tội bức cung thấp nhất là 6 tháng tù và cao nhất là 10 năm tù. Người phạm các tội này còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung “cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định” trong thời gian từ 1 đến 5 năm.

BIÊN BẢN HỎI CUNG BỊ CAN

Khi hỏi cung bị can, bắt buộc Điều tra viên phải lập biên bản theo mẫu quy định thống nhất. Trong biên bản ghi rõ địa điểm, ngày, giờ, tháng, năm tiến hành hỏi cung, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, những người tiến hành tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động hỏi cung, lời trình bày của bị can, các câu hỏi và câu trả lời. Nghiêm cấm Điều tra viên tự mình thêm bớt hoặc sửa chữa lời khai của bị can.

Sau khi hỏi cung, Điều tra viên đọc lại biên bản cho bị can nghe hoặc để bị can tự đọc. Trường hợp có bổ sung và sửa chữa biên bản thì bị can và Điều tra viên cùng ký xác nhận. Nếu biên bản có nhiều trang thì bị can ký vào từng trang của biên bản. Trong trường hợp bị can tự viết lời khai thì Điều tra viên và bị can cùng ký xác nhận tờ khai đó.

Nếu việc hỏi cung được ghi âm thì sau khi hỏi cung, phải phát lại để bị can và Điều tra viên cùng nghe. Biên bản phải ghi lại nội dung việc hỏi cung, bị can và Điều tra viên cùng ký xác nhận.

Trong trường hợp hỏi cung bị can có người phiên dịch, Điều tra viên phải giải thích quyền và nghĩa vụ của người phiên dịch, đồng thời giải thích cho bị can biết được quyền yêu cầu thay đổi người phiên

dịch. Người phiên dịch và bị can cùng ký vào từng trang của biên bản hỏi cung.

Khi hỏi cung có mặt người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị can thì Điều tra viên phải giải thích cho những người này biết quyền và nghĩa vụ của họ trong khi hỏi cung bị can. Bị can, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cùng ký vào biên bản hỏi cung.

Trong trường hợp người bào chữa được hỏi bị can thì trong biên bản phải ghi đầy đủ câu hỏi của người bào chữa và trả lời của bị can.

CHƯƠNG III

XÉT XỬ TẠI TÒA ÁN

I. XÉT XỬ SƠ THẨM

Việc áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn

Điều 177
BLTTHS
năm 2003

Sau khi nhận hồ sơ vụ án để chuẩn bị cho việc xét xử, Thẩm phán được phân công xét xử vụ án có thể ra quyết định áp dụng một trong số các biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo. Nếu bị cáo đã, đang bị áp dụng một biện pháp ngăn chặn nào đó thì thẩm phán, nếu thấy cần thiết, cũng có thể quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đó. Tuy nhiên, riêng đối với biện pháp tạm giam thì chỉ có Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án mới có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ.

Quyền và nghĩa vụ của bị cáo sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử

Điều 50
BLTTHS
năm 2003

Kể từ khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho tới khi kết thúc xét xử sơ thẩm, bị cáo có các quyền như sau:

a) Được nhận các quyết định có liên quan đến việc xét xử bị cáo, bao gồm: quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp

ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án tại phiên tòa; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Được tham gia phiên tòa;

c) Được giải thích về quyền và nghĩa vụ

d) Được đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng như: thẩm phán, hội thẩm, thư ký tòa án, người giám định, người phiên dịch, nếu có đủ lý do để cho rằng họ sẽ không vô tư khi tham gia xét xử. Lý do của bị cáo đưa ra cần có những bằng chứng cụ thể, ví dụ như hội thẩm hoặc thẩm phán có quan hệ tình cảm, thông gia với người bị hại, v.v...

đ) Được đưa ra tài liệu, đồ vật và các yêu cầu;

e) Được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình;

g) Được trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa;

h) Được nói lời sau cùng trước khi nghị án;

i) Được kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

k) Được khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Về nghĩa vụ, bị cáo phải có mặt tại Toà để dự phiên xét xử theo giấy triệu tập của Toà án. Trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng thì bị cáo có thể bị áp giải. Nếu bỏ trốn thì bị cáo sẽ bị truy nã.

Có mặt tại Tòa và xét xử vắng mặt

Điều 187
BLTTHS
năm 2003

Bị cáo phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nếu vắng mặt không có lý do chính đáng thì sẽ bị áp giải. Nếu bị cáo vắng mặt tại Tòa mà có lý do chính đáng thì phiên tòa sẽ được hoãn.

Nếu bị cáo bị bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo khác mà không tham dự được phiên tòa thì Hội đồng xét xử tạm đình chỉ vụ án cho đến khi bị cáo khỏi bệnh. Nếu bị cáo trốn tránh, cố tình không có mặt tại Tòa thì Hội đồng xét xử sẽ tạm đình chỉ vụ án và yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị cáo.

Cần nhớ rằng, Tòa án chỉ có thể xử vắng mặt bị cáo trong những trường hợp sau đây:

- a) Bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả;
- b) Bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa;
- c) Nếu sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử và họ đã được giao giấy triệu tập hợp lệ.

Thành phần tham gia phiên tòa khi bị cáo là người chưa thành niên

Khoản 3
Điều 306
BLTTHS
năm 2003

Nếu bị cáo là người chưa thành niên thì tại phiên tòa phải có mặt người đại diện của gia đình bị cáo và đại diện của nhà trường, tổ chức. Phiên tòa chỉ được phép mở vắng mặt đại diện gia đình bị cáo trong trường hợp đại diện gia đình cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

Đại diện của gia đình bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức tham gia phiên tòa có quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; tham gia tranh luận; khiếu nại các hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án.

Thành phần Hội đồng xét xử đối với người chưa thành niên

Điều 307
BLTTHS
năm 2003

Thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tiếp xúc với người bào chữa và những người khác tại phiên tòa

Điều 188
BLTTHS
năm 2003

Bị cáo đang bị tạm giam khi ra phiên tòa chỉ được tiếp xúc với người bào chữa. Việc tiếp xúc với những người khác phải được phép của chủ tọa phiên tòa.

Bị cáo không bị tạm giam phải có mặt tại phiên tòa trong suốt thời gian xét xử vụ án.

Yêu cầu hoãn phiên tòa

Điều 201
BLTTHS
năm 2003

Nếu bị cáo chưa được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn mà pháp luật quy định (chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa) thì bị cáo có quyền yêu cầu Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Xét hỏi tại phiên tòa

Điều 209
BLTTHS
năm 2003

Tại phiên tòa, sau khi kiểm sát viên đọc bản cáo trạng, Hội đồng xét xử sẽ tiến hành hỏi riêng từng bị cáo.

Khi được hỏi, bị cáo có quyền trình bày ý kiến của mình về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án. Hội đồng xét xử có thể hỏi thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Kiểm sát viên hỏi về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội bị cáo. Người bào chữa hỏi về những tình tiết liên quan đến việc bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hỏi về những tình tiết liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của đương sự. Tuy nhiên, bị cáo có quyền trả lời hoặc không trả lời các câu hỏi này. Nếu bị cáo không trả lời các câu hỏi thì Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào

chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự sẽ tiếp tục hỏi những người khác và xem xét vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ án.

Tranh luận tại phiên toà

Điều 217
BLTTHS
năm 2003

Sau phần xét hỏi là phần tranh luận. Trước hết, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không có tội.

Lúc này, bị cáo có quyền trình bày lời bào chữa. Nếu bị cáo có người bào chữa thì người này bào chữa và bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa. Bị cáo có quyền trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình. Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến của bị cáo.

Chủ toạ phiên toà không được hạn chế thời gian tranh luận của bị cáo, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án.

Bị cáo nói lời sau cùng

Điều 220

Sau khi những người tham gia tranh luận

BLTTHS
năm 2003

không trình bày gì thêm, Chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận, Bị cáo được nói lời sau cùng. Không được đặt câu hỏi khi bị cáo nói lời sau cùng. Hội đồng xét xử có quyền yêu cầu bị cáo không được trình bày những điểm không liên quan đến vụ án, nhưng không được hạn chế thời gian đối với bị cáo. Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án, thì Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc xét hỏi.

Nghị án và tuyên án

Sau khi bị cáo nói lời sau cùng thì Hội đồng xét xử sẽ rút vào phòng riêng để nghị án. Thời gian nghị án lâu hay nhanh tùy vào mức độ phức tạp của từng vụ việc.

Điều 226
BLTTHS
năm 2003

Sau khi nghị án xong, Hội đồng xét xử sẽ trở lại phòng xét xử để tuyên án. Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử sẽ đọc bản án và đồng thời có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo của bị cáo. Nếu bị cáo không biết tiếng Việt thì sau khi tuyên án, người phiên dịch phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ bản án sang thứ tiếng mà bị cáo biết.

Trả tự do tại phiên tòa

Điều 227
BLTTHS

Bị cáo được Hội đồng xét xử tuyên bố

năm 2003

trả tự do ngay tại phiên tòa nếu thuộc các trường hợp:

- Bị cáo không có tội;
- Bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc được miễn hình phạt;
- Bị cáo bị xử phạt bằng các hình phạt không phải là hình phạt tù;
- Bị cáo bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo;
- Thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Bị bắt tạm giam sau khi tuyên án

Điều 228
BLTTHS
năm 2003

Trong trường hợp bị cáo bị án phạt tù và trước khi ra phiên tòa đã bị tạm giam thì bị cáo sẽ tiếp tục bị tạm giam để bảo đảm việc thi hành án. Nếu đến ngày kết thúc phiên tòa mà thời hạn tạm giam đối với bị cáo đã hết thì Hội đồng xét xử sẽ ra quyết định gia hạn thời hạn tạm giam đối với bị cáo cho tới khi bản án bắt đầu có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bị cáo không bị tạm giam trước khi mở phiên tòa nhưng bị tuyên án phạt tù tại phiên tòa thì bị cáo cũng sẽ bị bắt tạm giam sau phiên tòa để bảo đảm chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bị cáo có thể bị bắt giam ngay nếu Hội đồng xét xử có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục

phạm tội. Thời hạn tạm giam là bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu bị cáo bị phạt tử hình thì Hội đồng xét xử cũng quyết định tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

II. XÉT XỬ PHÚC THẨM

Quyền kháng cáo, kháng nghị

Điều 231
BLTTHS
năm 2003

Nếu cho rằng bản án hoặc quyết định sơ thẩm đối với bị cáo là chưa thoả đáng, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm đó. Phạm vi kháng cáo có thể là toàn bộ hoặc một phần của bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Ngay cả khi được Tòa án tuyên bố là không có tội, bị cáo vẫn có quyền kháng cáo phần lý do của bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo là không có tội. Ví dụ: Bị cáo không thực hiện hành vi trái pháp luật, nhưng Tòa án sơ thẩm lại nhận định là bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cấu thành tội phạm.

Bị cáo đừng lo rằng việc kháng cáo của mình có thể dẫn đến việc Tòa phúc thẩm ra bản án nặng hơn cho bị cáo. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, khi xét xử phúc thẩm theo đơn kháng cáo của bị cáo thì Tòa phúc thẩm chỉ được phép ra một trong các quyết định sau:

Khoản 2
Điều 248;
Điều 249
BLTTHS
năm 2003

a) Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

b) Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: (i) Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt; (ii) Áp dụng tội danh nhẹ hơn; (iii) Giảm hình phạt; (iv) Giảm mức bồi thường thiệt hại; (v) Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo;

c) Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại;

d) Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Như vậy, có thể thấy là theo quy định của pháp luật thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ không thể ra một bản án hoặc một quyết định bất lợi hơn cho bị cáo so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

Tuy nhiên, bị cáo cần nhớ rằng Viện Kiểm sát cũng có quyền kháng nghị hoặc người bị hại cũng có quyền kháng cáo đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm dành cho bị cáo, kể cả trong trường hợp bị cáo không có kháng cáo. Trong trường hợp này, Tòa án cấp phúc thẩm có thể ra bản án hoặc nặng hơn hoặc nhẹ hơn cho bị cáo tùy theo tình tiết vụ án.

Thời hạn kháng cáo

Điều 234
BLTTHS

Thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu bị cáo vắng mặt

năm 2003

tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho bị cáo hoặc được niêm yết.

Nếu đơn kháng cáo gửi qua bưu điện thì ngày kháng cáo được tính căn cứ vào ngày bưu điện nơi gửi đóng dấu ở phong bì. Trong trường hợp đơn kháng cáo gửi qua Ban giám thị trại tạm giam, thì ngày kháng cáo được tính căn cứ vào ngày Ban giám thị trại tạm giam nhận được đơn.

Nếu bị cáo là người đã được trả tự do hoặc không bị tạm giam, bị cáo có thể đến trực tiếp Tòa án để nộp đơn kháng cáo.

Kháng cáo quá hạn

Điều 235
BLTTHS
năm 2003;

Bị cáo có thể thực hiện việc kháng cáo quá hạn và kháng cáo có thể được chấp nhận, nếu có lý do chính đáng.

Điều 5
Mục I Nghị
quyết
05/2005/HĐ
TP ngày
08/12/2005
của Hội
đồng Thẩm
phán Tòa án
nhân dân tối
cao hướng
dẫn thi hành
một số quy
định trong

Lý do chính đáng là những trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác mà người kháng cáo không thể thực hiện được việc kháng cáo trong thời hạn luật định. Ví dụ: do thiên tai, lũ lụt; do ốm đau, tai nạn phải nằm viện điều trị...

Tòa án cấp phúc thẩm thành lập Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán để xét lý do kháng cáo quá hạn. Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn.

Phần thứ tư
“xét xử
phúc
thẩm” của
BLTTHS

Bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo

Điều 238
BLTTHS
năm 2003

Trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo. Việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ khi bị cáo rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn chờ xét xử phúc thẩm

Điều 243
BLTTHS
năm 2003

Tương tự như tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, trong khi chờ phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo. Riêng đối với việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì phải do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, Thẩm phán giữ chức vụ Chánh toà, Phó Chánh toà Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

Việc thi hành bản án trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm

Điều 237,
Điều 240
BLTTHS
năm 2003

Trong thời gian chờ Toà án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm, bị cáo không phải thi hành phần bản án mà mình đang kháng cáo. Đối với phần bản án không bị kháng cáo, bị cáo vẫn phải thi hành khi hết thời hạn kháng cáo.

Thủ tục phiên toà phúc thẩm

Điều 247
BLTTHS
năm 2003

Thủ tục phiên toà phúc thẩm cũng tiến hành như phiên toà sơ thẩm nhưng trước khi xét hỏi, một thành viên của Hội đồng xét xử phải trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo hoặc kháng nghị. Khi tranh luận Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

CHƯƠNG IV

THI HÀNH BẢN ÁN VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Thời hạn có hiệu lực pháp luật của bản án và quyết định; việc ra quyết định thi hành án

Điều 240,
Điều 248,
Điều 253
BLTTHS
năm 2003

Bản án hoặc quyết định của toà án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực pháp luật sau 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ra quyết định, hoặc nếu bị cáo vắng mặt tại phiên toà thì sau 15 ngày kể từ ngày bị cáo nhận được bản án, quyết định của toà án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Khoản 1
Điều 256
BLTTHS
năm 2003

Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, Chánh án Toà án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án đối với bị cáo hoặc ủy thác cho Toà án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

Khoản 2
Điều 255
BLTTHS
năm 2003

Trong trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo,

áp dụng hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn bị cáo đã bị tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo.

Thi hành hình phạt tù

Điều 260
BLTTHS
năm 2003

Trong trường hợp người bị kết án phạt tù đang bị tạm giam thì theo yêu cầu của người thân thích của người bị kết án, cơ quan Công an phải cho phép người bị kết án gặp người thân thích trước khi thi hành án.

Trong trường hợp người bị kết án đang tại ngoại nếu quá thời hạn mà không có mặt tại cơ quan Công an để chấp hành án thì người bị kết án sẽ bị áp giải. Nếu người bị kết án phạt tù bỏ trốn sẽ bị truy nã.

Trong trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù trốn khỏi trại giam thì cơ quan Công an ra quyết định truy nã.

Hoãn chấp hành hình phạt tù

Điều 61
BLHS

1. Người bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù trong các trường hợp sau đây:

a) Bị bệnh nặng: được hoãn cho đến khi

sức khỏe được hồi phục;

b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi;

c) Là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn đến một năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng;

d) Bị kết án về tội ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ thì được hoãn đến một năm.

2. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, nếu người được hoãn chấp hành hình phạt lại phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

Những điều cần biết trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, người bị kết án sẽ được giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc quản lý. Người bị

kết án không được tự ý đi nơi khác, nếu không được phép của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức quản lý mình.

Trong thời gian này, nếu người bị kết án có những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Chánh án Tòa án đã cho tạm hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định thi hành án để bắt họ đi chấp hành hình phạt tù. Quyết định thi hành án được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định thi hành án, cơ quan công an phải tổ chức bắt, áp giải người bị kết án đi chấp hành án phạt tù.

Khoản 2
Điều 61
BLHS sửa
đổi năm
2009

Trường hợp người bị kết án phạm tội mới, thì Tòa án sẽ buộc người đó phải chấp hành hình phạt trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Điều 50
BLHS sửa
đổi năm
2009

Pháp luật hình sự quy định khi xét xử cùng một lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:

1. Đối với hình phạt chính:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có

thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá ba năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, ba mươi năm đối với hình phạt tù có thời hạn;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành một ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 nói trên;

c) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;

d) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;

Người bị kết án cũng cần biết là có hai loại hình phạt không được tổng hợp với các hình phạt khác là phạt tiền và trục xuất. Đối với phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung.

2. Đối với hình phạt bổ sung:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật Hình sự quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt

được cộng lại thành hình phạt chung;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

Điều kiện để được giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt

Điều 268
BLTTHS

Người đang chấp hành hình phạt tù có cơ hội được giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt trong khi đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú hoặc quản chế nếu đã chấp hành được một thời gian nhất định theo quy định của pháp luật và có nhiều tiến bộ.

Nếu bị kết án phạt tiền nhưng đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt và bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn thì người bị kết án có thể được miễn việc chấp hành hình phạt tiền còn lại.

Người đang chấp hành hình phạt có thể được xem xét giảm nhiều lần, nhưng phải bảo đảm chấp hành được một phần hai mức hình phạt đã tuyên. Nếu là người bị kết án tù chung thân, lần đầu được giảm xuống ba mươi năm tù và dù được giảm nhiều lần cũng phải bảo đảm thời hạn thực

tế chấp hành hình phạt là hai mươi năm.

Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại phạm tội mới nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được hai phần ba mức hình phạt chung hoặc hai mươi năm nếu là tù chung thân.

Việc phân đấu cải tạo tốt là điều kiện tiên quyết để được xét giảm nhiều lần, do đó người đang chấp hành hình phạt cần luôn cố gắng và tránh vi phạm pháp luật trong thời gian chấp hành hình phạt.

Điều 57
BLHS sửa
đổi năm
2009

Miễn chấp hành hình phạt

1. Đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, chưa chấp hành hình phạt mà lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

2. Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá.

3. Đối với người bị kết án về tội ít nghiêm trọng đã được hoãn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009, nếu trong thời gian được hoãn đã lập công, thì

theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt.

4. Đối với người bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà đã lập công, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

5. Người bị phạt cấm cư trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của chính quyền địa phương nơi người đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Điều 62
BLHS sửa
đổi năm
2009

Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

1. Người đang chấp hành hình phạt tù mà thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 62 của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009 thì có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

2. Thời gian tạm đình chỉ không được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Điều 76
BLHS sửa
đổi năm

Giảm mức hình phạt đã tuyên

1. Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có nhiều

2009

tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến bốn năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

2. Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc bị phạt tù, nếu lập công hoặc bị bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

3. Người chưa thành niên bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

Khoản 4;
Khoản 5
Điều 60
BLHS sửa
đổi năm
2009

- Người bị phạt tù được hưởng án treo có thể được rút ngắn thời gian thử thách khi đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát và giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

- Người bị phạt tù được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và

tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Việc chấp hành hình phạt tù của người chưa thành niên

Điều 308
BLTTHS
năm 2003

Nếu người chấp hành án phạt tù là người chưa thành niên họ sẽ được giam giữ riêng, tách biệt với người thành niên. Khi đủ 18 tuổi, họ sẽ được chuyển sang chế độ giam giữ như người đã thành niên.

Trong thời gian chấp hành hình phạt tù, người chưa thành niên được tạo điều kiện học nghề hoặc học văn hóa.

Thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ

Điều 264
BLTTHS
năm 2003

Người bị phạt tù được hưởng án treo và người bị phạt cải tạo không giam giữ thì sẽ được giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc để giám sát, giáo dục.

Thi hành hình phạt trục xuất

Điều 265
BLTTHS
năm 2003

Hình phạt trục xuất có thể được áp dụng cho người bị kết án là người nước ngoài. Khi bị áp dụng hình phạt này, người bị phạt trục xuất phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày kể từ ngày có quyết định thi hành án. Nếu người bị phạt trục xuất còn phải chấp hành các hình phạt khác hoặc phải thực

hiện các nghĩa vụ khác thì thời hạn rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do pháp luật quy định.

Thi hành hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú

Điều 266
BLTTHS
năm 2003

Nếu bị phạt quản chế thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù, người bị kết án sẽ được giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú để thi hành hình phạt quản chế. Nếu bị phạt cấm cư trú thì người bị kết án sẽ không được tạm trú, thường trú ở những địa phương bị cấm cư trú.

Thi hành hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản

Điều 267
BLTTHS
năm 2003
và Điều 40
Bộ luật hình
sự được sửa
đổi bổ sung
năm 2009

Quyết định đưa bản án phạt tiền hoặc tịch thu tài sản ra thi hành phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, chấp hành viên, người bị kết án và chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án cư trú.

Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án sung công quỹ nhà nước. Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do Bộ luật hình sự quy định.

Khi tịch thu toàn bộ tài sản, người bị kết án vẫn được cơ quan có thẩm quyền để lại cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống.

CHƯƠNG V

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

MỤC I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. NHỮNG TRƯỜNG HỢP CÓ THỂ BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

1. Những trường hợp có thể bị tạm giữ

Khoản 1
Điều 86
BLTTHS
năm 2003

Tạm giữ có thể được áp dụng đối với những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, bắt theo quyết định truy nã hoặc trong trường hợp người phạm tội ra tự thú, đầu thú.

Khoản 1
Điều 81
BLTTHS
năm 2003

Bắt khẩn cấp được áp dụng trong những trường hợp sau đây:

+ Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

+ Khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn;

+ Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn

chặn ngay việc người đó bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Khoản 1,
khoản 2
Điều 303
BLTTHS
năm 2003

Đối với người chưa thành niên phạm tội, việc bắt khẩn cấp theo các căn cứ nêu trên chỉ có thể được áp dụng trong trường hợp sau:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Khoản 2
Điều 81
BLTTHS
năm 2003

Những người sau đây có thẩm quyền ra lệnh bắt khẩn cấp:

- Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

- Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới;

- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Khoản 1
Điều 82
BLTTHS
năm 2003

Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã

- Bắt người phạm tội quả tang là trường hợp bắt người khi người đó đang thực hiện

tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt.

- Bắt người đang bị truy nã là bắt người phạm tội đang lẩn trốn và người này đã có lệnh truy nã của cơ quan có thẩm quyền.

Thẩm quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã:

Khoản 1,
khoản 2
Điều 82
BLTTHS
năm 2003

Đối với người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì bất kì người nào cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản và giải ngay người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Khi bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt.

2. Những trường hợp có thể bị tạm giam

Khoản 1,
khoản 2
Điều 88
BLTTHS
năm 2003

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong số các biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS năm 2003, là biện pháp tước tự do có thời hạn do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người bị kết án tù, tử hình trong các trường hợp sau đây:

- Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng;

- Phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít

ng nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù trên 02 năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà nơi cư trú rõ ràng thì không bị tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp sau đây:

+ Bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã;

+ Bị can, bị cáo đã được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử;

+ Bị can, bị cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Khoản 3
Điều 88
BLTTHS
năm 2003

Những người có thẩm quyền ra lệnh tạm giam:

+ Trong giai đoạn điều tra, truy tố, chỉ có Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát các cấp; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp mới có quyền ra lệnh bắt bị can để tạm giam. Lệnh bắt bị can để tạm giam do Thủ

trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp ban hành phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

+ Trong giai đoạn xét xử chỉ có Chánh án, Phó chánh án Tòa án các cấp mới có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam; Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao mới có quyền bắt bị cáo để tạm giam. Còn tại phiên tòa, thẩm quyền ra lệnh bắt bị cáo để tạm giam thuộc về Hội đồng xét xử của Tòa án các cấp.

II. THỜI HẠN TẠM GIỮ, TẠM GIAM

1. Thời hạn tạm giữ

Điều 87
BLTTHS
năm 2003

- Trường hợp bình thường, thời hạn tạm giữ không được quá 03 ngày, kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt.

- Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ, nhưng không quá 03 ngày. Đây là những trường hợp sự việc xảy ra có nhiều tình tiết phức tạp, đòi hỏi phải có thêm thời gian để làm rõ hành vi phạm tội hoặc xác minh thêm về căn cước, nhân thân của người bị tạm giữ.

- Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày. Đây là những trường hợp thuộc các vụ án phức

tạp, có nhiều người tham gia, mặc dù đã gia hạn tạm giữ lần thứ nhất 03 ngày nhưng vẫn chưa làm rõ được sự việc. Khác với trường hợp ra quyết định tạm giữ, mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Nếu Viện kiểm sát cùng cấp không phê chuẩn thì người ra lệnh tạm giữ không được tiếp tục tạm giữ mà phải trả tự do cho người bị tạm giữ.

- Trong khi tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì Cơ quan điều tra phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

- Thời hạn tạm giữ được trừ vào thời gian tạm giam. 01 ngày tạm giữ được tính bằng 01 ngày tạm giam.

2. Thời hạn tạm giam

2.1. Thời hạn tạm giam để điều tra

Các khoản
1, 2 và 5
Điều 120
BLTTHS
năm 2003

- Thời hạn tạm giam đối với tội ít nghiêm trọng là không quá 02 tháng. Trong trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét cần có thời gian dài hơn cho việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp quận, huyện và tương đương; lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương có quyền gia hạn tạm giam một lần không quá 01 tháng. *Như vậy, thời hạn tạm giam để điều tra đối với tội ít nghiêm trọng (kể cả gia hạn) tối đa*

là 03 tháng.

- Thời hạn tạm giam đối với tội nghiêm trọng là không quá 03 tháng. Trong trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét cần có thời gian dài hơn cho việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp quận, huyện và tương đương; lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương có quyền gia hạn tạm giam lần thứ nhất không quá 02 tháng. Trong trường hợp đã hết thời gian gia hạn lần thứ nhất mà vẫn chưa thể kết thúc việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp quận, huyện và tương đương, lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương có quyền gia hạn tạm giam lần thứ hai không quá 01 tháng. *Như vậy, thời hạn tạm giam để điều tra đối với tội nghiêm trọng (kể cả gia hạn) tối đa là 06 tháng.*

- Thời hạn tạm giam đối với tội rất nghiêm trọng là không quá 04 tháng. Trong trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét cần phải có thời gian dài hơn cho việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi và hủy bỏ biện pháp tạm giam thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp quận, huyện và tương đương (những nơi được tăng thẩm quyền và khi vụ án được thụ lý điều tra ở cấp huyện, quận, cấp khu vực), lãnh đạo

Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương (khi vụ án được thụ lý điều tra ở cấp tỉnh, cấp quân khu) có thể gia hạn tạm giam lần thứ nhất không quá 03 tháng. Trong trường hợp đã hết thời gian gia hạn lần thứ nhất, mà vẫn chưa thể kết thúc việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương có quyền gia hạn tạm giam lần thứ hai không quá 02 tháng. *Như vậy, thời hạn tạm giam để điều tra đối với tội rất nghiêm trọng (kể cả gia hạn) tối đa là 09 tháng.*

- Thời hạn tạm giam đối với tội đặc biệt nghiêm trọng là không quá 04 tháng. Trong trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét cần có thời gian dài hơn cho việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương có quyền gia hạn tạm giam lần thứ nhất không quá 04 tháng. Trong trường hợp đã hết thời hạn gia hạn lần thứ nhất mà vẫn chưa thể kết thúc việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, thì lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và tương đương có quyền gia hạn tạm giam lần thứ hai không quá 04 tháng. Trong trường hợp đã hết thời hạn gia hạn tạm giam lần thứ hai và vụ án có nhiều tình tiết phức tạp mà không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện

pháp tạm giam thì lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể gia hạn tạm giam lần thứ ba không quá 04 tháng. *Như vậy, thời hạn tạm giam để điều tra đối với tội đặc biệt nghiêm trọng (kể cả gia hạn) tối đa là 16 tháng.* Riêng đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, do tính chất đặc biệt của loại tội này và xuất phát từ yêu cầu điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền gia hạn thêm một lần nữa với thời hạn không quá 04 tháng (trường hợp đặc biệt). Đối với các vụ án được thụ lý điều tra ở cấp Trung ương, thì việc gia hạn tạm giam thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự Trung ương.

2.2. Thời hạn tạm giam để phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại

Các khoản
3, 4 Điều
121
BLTTHS
năm 2003

Trong trường hợp vụ án cần phải tiến hành các hoạt động phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại thì khi có căn cứ theo quy định của BLTTHS năm 2003, Cơ quan điều tra có thể áp dụng biện pháp tạm giam. Thời hạn tạm giam để phục hồi điều tra, điều tra bổ sung không được quá thời hạn phục hồi điều tra, điều tra bổ sung.

- Trong trường hợp phục hồi điều tra thì thời hạn điều tra tiếp là không quá 02

tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng; không quá 03 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ khi có quyết định phục hồi điều tra cho đến khi kết thúc điều tra. Trong trường hợp cần gia hạn điều tra do tính chất phức tạp của vụ án thì Viện kiểm sát có thể gia hạn thời hạn điều tra:

+ Đối với tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng;

+ Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được gia hạn điều tra một lần không quá 03 tháng.

- Trong trường hợp điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung tùy thuộc vào cơ quan (Tòa án hay Viện kiểm sát) trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Nếu hồ sơ do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra là không quá 02 tháng. Nếu hồ sơ do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra là không quá 01 tháng. Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung không quá 02 lần.

Như vậy, thời hạn tạm giam tối đa trong giai đoạn điều tra bổ sung là không quá 04 tháng nếu hồ sơ vụ án bị Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung; không quá 02

tháng nếu hồ sơ bị Tòa án trả lại để điều tra bổ sung.

- Trong trường hợp vụ án có liên quan đến người bị tạm giam được yêu cầu điều tra lại thì thời hạn tạm giam trong giai đoạn này được áp dụng như đối với thời hạn tạm giam để điều tra theo quy định tại Điều 120 BLTTHS năm 2003. Thời hạn điều tra được tính từ khi cơ quan điều tra nhận hồ sơ và yêu cầu điều tra lại.

2.3. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố

Khoản 2
Điều 166
BLTTHS
năm 2003

- Thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố không quá thời hạn để Viện kiểm sát ra một trong ba quyết định: Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng; trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án (trong thời hạn 20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng; 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tính từ ngày nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra).

- Trong trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát có thể gia hạn thời hạn này nhưng không quá 10 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng; không quá 15 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng; không quá 30 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm

trọng.

Như vậy, thời hạn tạm giam tối đa trong giai đoạn này (kể cả gia hạn) là không quá 30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng; không quá 45 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng; không quá 60 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thời hạn tạm giam được tính kể từ ngày Viện kiểm sát ra quyết định tạm giam.

2.4. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Điều 176,
Điều 177
BLTTHS
năm 2003

- Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, biện pháp tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong trường hợp bị can, bị cáo chưa bị tạm giam hoặc đang bị tạm giam mà thời hạn tạm giam đã hết và xét thấy cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm giam hoặc tiếp tục tạm giam bị can, bị cáo. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không quá thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm là 30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng; 45 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng; 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng; 03 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án.

+ Trong trường hợp vụ án có những tình

tiết phức tạp cần phải gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử thì Chánh án Tòa án có thể gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 15 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, không quá 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Như vậy, để đảm bảo cho việc xét xử sơ thẩm, người phạm tội có thể bị tạm giam với thời hạn không quá 45 ngày nếu phạm tội ít nghiêm trọng; 60 ngày nếu phạm tội nghiêm trọng; 03 tháng nếu phạm tội rất nghiêm trọng và 04 tháng nếu phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Các khoản
1, 3 Điều
228
BLTTHS
năm 2003

Để bảo đảm cho việc thi hành án sau khi tuyên án, người phạm tội còn có thể tiếp tục bị tạm giam trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

2.5. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn xét xử phúc thẩm

Điều 242,
Điều 243
BLTTHS
năm 2003

- Để đảm bảo cho việc xét xử phúc thẩm, người phạm tội có thể bị tạm giam với thời hạn không quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Thời hạn xét xử phúc thẩm là không quá 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, nếu vụ án do Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu thụ lý

để xét xử phúc thẩm; không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, nếu vụ án do Tòa án quân sự trung ương, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thụ lý để xét xử.

- Ngay sau khi tuyên án phúc thẩm, nếu người phạm tội bị tuyên án phạt tù và đến khi kết thúc phiên tòa mà trước đó người đó chưa bị tạm giam hoặc thời hạn tạm giam trước đó đã hết, thì Hội đồng xét xử có thể ra quyết định tạm giam để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là không quá 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

MỤC II

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

I. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ

1. Người bị tạm giữ

Khoản 1, 2
Điều 48
BLTTHS
năm 2003;

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ.

2. Quyền của người bị tạm giữ

- Được biết lý do mình bị tạm giữ;
- Được giải thích quyền và nghĩa vụ;

- Được trình bày lời khai;
- Được đưa ra tài liệu, đồ vật yêu cầu;

Điều 31 Quy
chế về tạm
giữ, tạm
giam năm
1998 ban
hành kèm
theo Nghị
định số
89/1998/NĐ-
CP ngày
17/11/1998

- Được khiếu nại, tố cáo về việc tạm giữ, quyết định, hành vi tổ tụng trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các hành vi trái với quy chế về tạm giữ;

Điều 11,
Khoản 2
Điều 48,
Khoản 1
Điều 58
BLTTHS;
Thông tư
70/2011/TT-
BCA ngày
10/10/2011
quy định chi
tiết thi hành
quy định của
BLTTHS
liên quan đến
việc bảo đảm
quyền bào
chữa trong
giai đoạn
điều tra vụ án
hình sự
(Thông tư

- Được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa;

Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bị bắt trong các trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã, thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Nếu bị bắt hoặc khởi tố vì tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra thì Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra.

Khoản 2
Điều 306
BLTTHS
năm 2003

- Trong trường hợp người bị tạm giữ là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc là người chưa thành niên có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần hoặc trong những trường hợp cần thiết khác, thì việc lấy lời khai, hỏi cung đối với họ nhất thiết phải có mặt đại diện gia đình, trừ trường hợp người đại diện gia đình cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

3. Nghĩa vụ của người bị tạm giữ

Khoản 3
Điều 48
BLTTHS
năm 2003

Trong thời gian bị tạm giữ, người bị tạm giữ có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các quy định về tạm giữ theo quy định của pháp luật (chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế Nhà tạm giữ, Trại tạm giam; không được thông cung, tạt sát; không được đưa các tài liệu, vật cấm vào buồng tạm giữ, thành khăn ăn năn hôi cải, nhận thức rõ tội lỗi; có thái độ hợp tác với cán bộ, chiến sĩ Nhà tạm giữ, Trại tạm giam và cơ quan tiến hành tố tụng; giữ gìn và đảm bảo vệ sinh những vật dụng được Nhà tạm giữ, Trại tạm giam cho mượn ...)

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO, NGƯỜI BỊ TẠM GIAM

1. Bị can

Khoản 1,
khoản 2 và
khoản 3
Điều 49
BLTTHS
năm 2003

1.1. Bị can là người đã bị khởi tố về hình sự.

1.2. Bị can có quyền:

- Được biết mình bị khởi tố về tội gì. Khi Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố, trong quyết định phải ghi rõ khởi tố về tội gì, điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự hiện hành và phải giao cho người bị tạm giam một bản để người đó biết được Cơ quan điều tra đã khởi tố mình về tội gì.

- Được giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Được trình bày lời khai. Sau khi có quyết định khởi tố, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành hỏi cung người bị tạm giam. Trong quá trình hỏi cung, người bị tạm giam có quyền trình bày lời khai để chứng minh mình vô tội hoặc chứng minh các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho mình.

- Được đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch nếu có căn cứ cho rằng có thể những người đó không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

- Được đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu. Người bị tạm giam có thể đưa ra những tài liệu, đồ vật nhằm chứng minh mình không liên quan đến vụ việc, hoặc yêu cầu xác minh lại sự việc, yêu cầu cơ quan điều tra

đưa ra những bằng chứng được coi là căn cứ để khởi tố mình.

- Được nhận các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan trực tiếp đến mình như: quyết định khởi tố; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng; quyết định truy tố và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 11,
Khoản 2
Điều 49 và
Điều 57
BLTTHS
năm 2003;
Thông tư
70/2011/TT
-BCA

- Được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người bị tạm giam có thể tự mình đưa ra chứng cứ để chứng minh mình vô tội hoặc không liên quan đến sự việc là lý do bắt giữ mình; có quyền mời luật sư, bào chữa viên nhân dân hoặc nhờ người đại diện hợp pháp của mình bào chữa cho mình. Trong trường hợp người bị tạm giam là bị can về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình, hoặc là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà người bị tạm giam hoặc người đại diện hợp pháp của người bị tạm giam không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức thành viên

của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

Quy chế về
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

- Được khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc các hành vi trái với quy chế về tạm giam

Khoản 2
Điều 306
BLTTHS
năm 2003

- Trong trường hợp người bị tạm giam là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc là người chưa thành niên có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc trong những trường hợp cần thiết khác thì việc lấy lời khai, hỏi cung phải có mặt của đại diện gia đình, trừ trường hợp đại diện gia đình cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

1.3. Bị can có nghĩa vụ

Bị can phải có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát; trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã.

2. Bị cáo

Điều 50,
Điều 11,
Điều 57,
Điều 217,
Điều 218,
Điều 220
BLTTHS
năm 2003

2.1. Bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử.

2.2. Bị cáo có quyền:

- Được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ

vụ án;

- Được nhận bản án, quyết định của Tòa án sau khi Tòa án ra bản án, quyết định về việc giải quyết vụ án hình sự. Nhận các quyết định tố tụng khác theo quy định của pháp luật như quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm đình chỉ vụ án;

- Tham gia phiên tòa;

- Được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ;

- Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch khi có căn cứ cho rằng họ không khách quan, vô tư khi làm nhiệm vụ;

- Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

- Tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa;

- Trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa;

- Được nói lời sau cùng trước khi nghị án. Sau khi Hội đồng xét xử kết thúc xét hỏi và tranh luận, bị cáo được nói lời sau cùng trước khi Tòa nghị án. Trong khi nói lời sau cùng, bị cáo có quyền trình bày mọi vấn đề liên quan đến vụ án, tỏ thái độ của mình đối với việc buộc tội;

- Được kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

- Được khiếu nại, tố cáo về việc tạm giam, quyết định hành vi tố tụng trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2.3. Bị cáo có nghĩa vụ:

Bị cáo phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã.

3. Nghĩa vụ của người bị tạm giam

Trong thời gian tạm giam, người bị tạm giam có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định về tạm giam theo quy định của pháp luật (thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về tạm giam của trại tạm giam, nhà tạm giữ; không được thông cung, tạt tát; không được đưa các tài liệu, vật cấm vào buồng giam, thành khăn ăn năn, hối cải, nhận thức rõ tội lỗi, có thái độ hợp tác với cán bộ, chiến sĩ trại tạm giam, nhà tạm giữ và cơ quan tiến hành tố tụng; giữ gìn và bảo đảm vệ sinh, môi trường nơi giam giữ, tài sản được cho mượn...).

III. CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

3.1. Chế độ quản lý tạm giữ, tạm giam

Điều 15
Quy chế về

Việc giam giữ người bị tạm giữ, tạm giam được bố trí theo khu vực và phân

tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

loại như sau:

- Phụ nữ;
- Người chưa thành niên;
- Người nước ngoài;
- Người có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm;
- Loại côn đồ hung hãn, giết người, cướp tài sản, tái phạm nguy hiểm;
- Người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- Người bị Tòa án tuyên phạt tử hình;
- Người có án phạt tù chờ chuyển đi trại giam;
- Những người trong cùng một vụ án đang điều tra, truy tố, xét xử.

3.2. Chế độ ăn, mặc, ở

3.2.1. Chế độ ăn

Khoản 1
Điều 26
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998;
Khoản 1
Điều 1 Nghị
định số
09/2011/NĐ
-CP ngày

- Tiêu chuẩn ăn trong một tháng của người bị tạm giữ, tạm giam được tính theo định lượng 17 kg gạo thường; 0,7 kg thịt và 0,8 kg cá; 01 kg muối; 0,5 kg đường loại trung bình; 0,75 lít nước mắm; 0,1 kg bột ngọt; 15 kg rau xanh và 15 kg củ hoặc 17 kg than. Định lượng này do Nhà nước cấp và quy ra tiền theo thời giá thị trường ở địa phương nơi trại tạm giam, nhà tạm giữ đóng.

25/01/2011
sửa đổi, bổ
sung Quy
chế tạm
giam, tạm
giữ năm
1998

- Ngày lễ, ngày Tết (theo quy định của Nhà nước), người bị tạm giữ, tạm giam sẽ được ăn thêm nhưng tiêu chuẩn ăn (bao gồm tiêu chuẩn ăn ngày thường và mức ăn thêm) không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường mà Nhà nước quy định cho mỗi người bị tạm giữ, tạm giam.

- Một tháng không quá 03 lần người bị tạm giữ, tạm giam được nhận quà và đồ dùng sinh hoạt của gia đình, thân nhân gửi đến theo quy định; lượng quà không được vượt quá 03 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường mà Nhà nước quy định cho mỗi người bị tạm giữ, tạm giam.

- Người bị tạm giữ, tạm giam được ăn theo tiêu chuẩn, uống nước bảo đảm vệ sinh, được sử dụng quà của gia đình, thân nhân để ăn thêm nhưng không được quá 03 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường mà Nhà nước quy định cho mỗi người bị tạm giữ, tạm giam; nghiêm cấm người bị tạm giữ, tạm giam sử dụng rượu, bia, thuốc lá và các chất kích thích độc hại khác.

3.2.2. Chế độ ở và mặc

Các khoản
2, 3 Điều 26
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

- Bình quân diện tích tối thiểu nơi giam giữ đối với người bị tạm giữ, tạm giam là $02\text{m}^2/1$ người, có bệ nằm bằng xi măng hoặc gạch men và có chiếu trải để nằm.

- Trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam người bị tạm giữ, tạm giam được sử dụng

quần áo, chăn, chiếu, màn của cá nhân, nếu thiếu thì trại tạm giam, nhà tạm giữ cho mượn theo tiêu chuẩn mỗi người gồm: 01 chiếu, 01 màn (loại cá nhân), 01 chăn (đối với các trại tạm giam, nhà tạm giữ từ thành phố Đà Nẵng trở vào dùng chăn sợi, từ Huế trở ra dùng chăn trần bông loại 02 kg), 01 đôi dép và 02 bộ quần áo dài theo mẫu thống nhất do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định. Hàng tháng được cấp 0,2 kg xà phòng giặt, 02 tháng được cấp 1 khăn rửa mặt.

Nếu người bị tạm giữ, tạm giam là nữ sẽ được cấp thêm một số tiền (tương đương 02 kg gạo tính theo thời giá thị trường ở từng địa phương) để mua những đồ dùng cần thiết cho vệ sinh phụ nữ.

3.3. Chế độ chăm sóc y tế

3.3.1. Về khám, chữa bệnh

Khoản 2
Điều 1 Nghị
định
09/2011/NĐ-
CP;

Khoản 1
Điều 3, Điều
5 Thông tư
liên tịch số
04/2010/TTL
T-BCA-BYT
ngày
09/8/2010

- Trong trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam ốm đau, bệnh tật, thương tích thì cơ sở y tế của trại tạm giam, nhà tạm giữ khám, chữa bệnh cho họ. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng do cán bộ y tế của trại tạm giam, nhà tạm giữ chỉ định theo bệnh lý. Tiền thuốc chữa bệnh tương đương 02 kg gạo/1 người/1 tháng.

Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam bị bệnh nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở y tế trại tạm giam, nhà tạm giữ

hướng dẫn
việc khám
bệnh, chữa
bệnh cho
người bị tạm
giữ, tạm
giam, phạm
nhân, trại
viên cơ sở
giáo dục, học
sinh trường
giáo dưỡng
tại bệnh viện
của nhà nước

thì được chuyển đến bệnh viện của nhà nước để điều trị. Tại đây, người bị tạm giữ, tạm giam được hưởng các chế độ như sau:

+ Được bố trí phòng điều trị riêng có cán bộ, chiến sĩ trại tạm giam, nhà tạm giữ canh gác, bảo vệ.

+ Việc ăn, ở, sinh hoạt, thăm gặp của người bị tạm giữ, tạm giam tại bệnh viện được áp dụng như đối với người đang bị tạm giữ, tạm giam tại trại tạm giam, nhà tạm giữ; trường hợp bệnh lý đặc biệt, chế độ ăn thực hiện theo chế độ ăn bệnh lý của bệnh viện.

3.3.2. Trường hợp bắt buộc chữa bệnh

Nghị định
số
64/2011/NĐ
-CP ngày
28/7/2011
của Chính
phủ Quy
định việc thi
hành biện
pháp bắt
buộc chữa
bệnh

Trong trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam bị nghi mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác tới mức mất khả năng nhận thức, Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ sẽ phải yêu cầu cơ quan đang thụ lý vụ án trưng cầu giám định pháp y. Sau khi có kết luận người bị tạm giữ, tạm giam mắc bệnh tâm thần và có quyết định đưa vào cơ sở chuyên khoa y tế để bắt buộc chữa bệnh thì người đó sẽ được đưa đến cơ sở chữa bệnh được chỉ định trong quyết định. Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam đã khỏi bệnh và có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y tâm thần thì sẽ được đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa

bệnh.

3.4. Chế độ sinh hoạt văn hóa

Điều 29
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

Trong thời gian ở trại tạm giam, nhà tạm giữ, người bị tạm giữ, tạm giam được đọc báo Nhân dân hoặc báo địa phương, nghe Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh hoặc truyền thanh địa phương. Đối với những nhà tạm giữ, trại tạm giữ có điều kiện, người bị tạm giữ, tạm giam còn có thể được xem một số chương trình truyền hình Trung ương và địa phương.

Người bị tạm giữ, tạm giam là người nước ngoài được nhận sách, báo bằng tiếng nước người đó mang quốc tịch khi được cơ quan thụ lý vụ án cho phép.

3.5. Một số chế độ khác

3.5.1. Chế độ liên lạc

Điều 30,
Khoản 2
Điều 22
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

- Người bị tạm giữ, tạm giam chỉ được gửi và nhận thư khi được cơ quan thụ lý vụ án cho phép. Thư phải để mở và qua sự kiểm tra của Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ.

- Người bị tạm giữ, tạm giam có thể được gặp thân nhân, luật sư hoặc người bào chữa khác khi được sự đồng ý của cơ quan thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều 17
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

3.5.2. Đồ dùng cá nhân

Người bị tạm giữ, tạm giam chỉ được đưa vào buồng giam, giữ những đồ dùng cần thiết cho cá nhân theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Tiền và các tài sản khác mang theo phải gửi lưu ký tại nơi quy định của trại tạm giam, nhà tạm giữ, hoặc ủy quyền cho thân nhân quản lý. Những vật không thể bảo quản được trong thời hạn giam, giữ và những vật thuộc danh mục cấm mang vào buồng giam, giữ nếu phải hủy bỏ thì Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ ra quyết định hủy bỏ. Khi người bị tạm giữ, tạm giam được trả tự do hoặc chuyển đi nơi giam, giữ khác thì tài sản gửi lưu ký sẽ được trả lại.

3.5.3. Khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giữ, tạm giam

Điều 31
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

Người bị tạm giữ, tạm giam có quyền khiếu nại, tố cáo việc bị tạm giữ, tạm giam trái pháp luật hoặc các hành vi trái với Quy chế về tạm giữ, tạm giam.

Việc khiếu nại, tố cáo có thể bằng đơn, thư hoặc bằng miệng với cán bộ quản giáo, Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ hoặc với người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hoặc với cấp trên của Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm

giữ hay với Viện kiểm sát.

Người bị tạm giữ, tạm giam phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo của mình; nếu cố tình lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 90
BLTTHS
năm 2003

3.5.4. Chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam

- Trong trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam có con chưa thành niên dưới 14 tuổi hoặc có người thân thích là người tàn tật, già yếu mà không có người chăm sóc, thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam sẽ giao những người đó cho những người thân thích khác của người bị tạm giữ, tạm giam chăm nom. Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam không có người thân thích thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam giao những người đó cho chính quyền sở tại.

- Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam có nhà hoặc tài sản khác mà không có người trông nom, bảo quản thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam sẽ ra quyết định áp dụng biện pháp trông nom, bảo quản thích đáng tài sản đó.

- Những quyết định trên của cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam sẽ được thông báo đầy đủ đến người bị tạm giữ,

tạm giam.

3.6. Chế độ đối với người nước ngoài bị tạm giữ, tạm giam

Điều 34
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

Đối với người nước ngoài bị tạm giữ, tạm giam, chế độ đối với họ trong thời gian bị giam, giữ giống như công dân Việt Nam bị tạm giữ, tạm giam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3.7. Trích xuất người bị tạm giữ, tạm giam

Điều 21
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998;

Khoản 3
Điều 1 Nghị
định số
98/2002/NĐ
-CP ngày
27/11/2002
sửa đổi, bổ
sung một số
điều Quy
chế tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

Người bị tạm giữ, tạm giam được trích xuất ra ngoài trong những trường hợp sau:

- Được đưa đi khám, chữa bệnh, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần;
- Chuyển đến nơi giam, giữ khác;
- Để thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử;
- Cho gặp thân nhân, luật sư hoặc người bào chữa khác;
- Đưa đi thi hành án phạt tù, tử hình;
- Khi được tiếp xúc lãnh sự hoặc tiếp xúc với các tổ chức nhân đạo theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, hoặc theo sự thỏa thuận trực tiếp của Nhà nước Việt Nam với nước có người bị tạm giữ, tạm giam

hoặc vì lý do đối ngoại đối với từng trường hợp cụ thể.

3.8. Chế độ đối với người bị kết án tử hình bị tạm giam

Điều 33
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998

Đối với người bị kết án tử hình bị tạm giam thì sẽ được hưởng các tiêu chuẩn về ăn, uống, khám, chữa bệnh, gửi, nhận thư, thăm gặp, nhận quà, khiếu nại, tố cáo như những người bị tạm giam khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.9. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Điều 32
Quy chế
tạm giữ,
tạm giam
năm 1998;
Khoản 6
Điều 1 Nghị
định
98/2002/NĐ
-CP

Người bị tạm giữ, tạm giam đã hoàn cung chờ xét xử, chấp hành tốt nội quy nhà tạm giữ, trại tạm giam có thể được xét tăng gấp đôi số lần gặp gỡ thân nhân và tăng gấp đôi số lần được gửi và nhận thư, nhận quà.

Trong thời gian tạm giữ, tạm giam nếu người bị tạm giữ, tạm giam có hành vi vi phạm nội quy của nhà tạm giữ, trại tạm giam, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- Cảnh cáo.

- Phạt cùm chân. Thời gian phạt cùm chân do Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam quyết định nhưng không quá một tuần.

- Phạt giam riêng ở buồng kỷ luật từ 3

ngày đến 7 ngày và có thể bị giam hạn đến 12 ngày. Trong thời gian này, người bị tạm giữ có thể bị phạt thêm hình thức phạt cùm chân, thời gian bị cùm chân không quá 10 ngày. Không áp dụng hình thức kỷ luật cùm chân đối với người chưa thành niên, phụ nữ.

Người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm nội quy nhiều lần có thể bị hạn chế gặp thân nhân, gửi và nhận thư, nhận quà; nếu đang trong thời gian kỷ luật thì không được nhận thư, nhận quà, không được gặp thân nhân cho đến khi chấp hành tốt nội quy nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Việc thi hành kỷ luật đối với người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm nội quy do Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam quyết định bằng văn bản. Biên bản về việc vi phạm và quyết định hình thức kỷ luật được đưa vào hồ sơ của người đó. Trong thời gian chấp hành kỷ luật, nếu người bị kỷ luật có tiến bộ thì Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam được xét giảm thời hạn kỷ luật.

CHƯƠNG VI

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA PHẠM NHÂN

1. Quyền của phạm nhân

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân vẫn được hưởng các quyền công dân, trừ những quyền bị pháp luật hoặc Tòa án tước đã ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.

1.1. Quyền lao động

Điều 29,
Khoản 3
Điều 51
(LTHAHS
2010)

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân được tổ chức lao động để giáo dục cải tạo. Việc tổ chức lao động để giáo dục cải tạo đối với phạm nhân phải phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và giới tính của mình, được nghỉ lao động các ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật. Thời gian lao động là không quá 08 giờ trong 01 ngày, trường hợp đột xuất hoặc thời vụ mà Giám thị trại giam yêu cầu làm thêm thì thời gian làm thêm của phạm nhân cũng không quá 02 giờ trong 01 ngày. Nếu phạm nhân làm thêm giờ hoặc lao động trong ngày thứ bảy, chủ nhật thì được nghỉ bù hoặc bồi dưỡng bằng tiền hoặc hiện vật.

- Nếu phạm nhân là nữ thì được bố trí làm những công việc phù hợp với giới tính, sức khỏe, độ tuổi; không làm công việc nặng nhọc, độc hại thuộc danh mục

cấm sử dụng lao động nữ.

- Nếu phạm nhân mắc bệnh hoặc có nhược điểm về thể chất, tinh thần thì tùy mức độ, tính chất của bệnh tật và trên cơ sở chỉ định của y tế trại giam, trại tạm giam, được miễn hoặc giảm thời gian lao động.

- Nếu phạm nhân là người chưa thành niên thì được bố trí lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

1.2. Quyên học tập

Điều 28
LTHAHS
năm 2010;

Điều 4,
Điều 8
Thông tư số
02/2012/TT
LT - BCA -
BQP - BTP
- BGĐĐT
hướng dẫn
việc tổ chức

dạy văn
hóa...giải
trí cho
phạm nhân

Khoản 3,
khoản 4

Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hóa, học nghề; được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của nhà nước. Nếu phạm nhân chưa biết chữ phải học văn hóa để xóa mù. Nếu phạm nhân là người nước ngoài được khuyến khích học tiếng Việt. Phạm nhân được bố trí ngày thứ bảy để học tập, học nghề và được nghỉ ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật.

- Nếu phạm nhân là người chưa thành niên phải thực hiện bắt buộc học chương trình tiểu học, phổ cập trung học cơ sở; phải học văn hóa vào tất cả các ngày trong tuần, trừ ngày chủ nhật, ngày lễ, tết; mỗi ngày 01 buổi, mỗi buổi 04 giờ; được giáo

Điều 14
Nghị định
số 117/2011

/NĐ-CP

ngày

15/12/2011

Quy định về
tổ chức
quản lý
phạm nhân
và chế độ
ăn, mặc, ở
sinh hoạt,
chăm sóc y
tế đối với
phạm nhân

Điều 48
LTHAHS
năm 2010;

Điều 3
Thông tư
liên tịch số
04/2010/TT
LT-BCA-
BYT ngày
09/8/2010

Điều 48
LTHAHS
năm 2010;

Nghị định
số
117/2011/

dục chuẩn mực đạo đức, các kỹ năng sống cơ bản; được phổ biến thời sự, chính sách, pháp luật, giáo dục công dân theo chương trình, nội dung do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp biên soạn; được tư vấn, trợ giúp về tâm lý, giáo dục, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết để có điều kiện thuận lợi tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

Phạm nhân là người chưa thành niên còn được ưu tiên bố trí học nghề, nâng cao tay nghề theo nguyện vọng phù hợp với độ tuổi, trình độ văn hóa, giới tính, sức khỏe, điều kiện thực tế của trại giam.

1.3. Quyền được chăm sóc y tế

- Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân được hưởng chế độ phòng, chống dịch bệnh. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với Trung tâm y tế cấp huyện hoặc bệnh viện quân đội nơi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đóng tổ chức khám sức khỏe cho phạm nhân.

- Trường hợp phạm nhân bị ốm, bị thương thì được khám và điều trị tại cơ sở y tế của trại giam, trại tạm giam hoặc tại cơ sở chữa bệnh cấp huyện. Trường hợp phạm nhân bị bệnh nặng hoặc thương tích

NĐ-CP
ngày
15/12/2011
của Chính
phủ quy
định về tổ
chức quản
lý phạm
nhân và chế
độ ăn, mặc,
ở, sinh hoạt,
chăm sóc y
tế đối với
phạm nhân
(Nghị định
117/2011/
NĐ-CP)

vượt quá khả năng điều trị của các cơ sở chữa bệnh đó thì được chuyển đến cơ sở chữa bệnh cấp tỉnh, bệnh viện quân đội hoặc bệnh viện trung ương để điều trị. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của phạm nhân biết để phối hợp chăm sóc, điều trị. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng do cơ sở chữa bệnh chỉ định theo bệnh lý và theo mức độ nặng, nhẹ bệnh tật của phạm nhân. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường hàng ngày cho phạm nhân được cấp tương đương 02 kg gạo/01 người/01 tháng.

- Đối với phạm nhân bị nghi mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự quân khu nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù trung cầu giám định pháp y tâm thần. Khi có kết luận giám định là người đó mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự quân khu nơi phạm nhân chấp hành án ra quyết định đưa người đó vào cơ sở chuyên khoa y tế để bắt buộc chữa bệnh. Thời gian bắt buộc

chữa bệnh được tính vào thời hạn chấp hành án phạt tù.

- Trường hợp phạm nhân nghiện ma túy được trại giam tổ chức cai nghiện.

- Trường hợp phạm nhân bị nhiễm HIV/AIDS thì được chăm sóc, điều trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 45
LTHAHS
năm 2010

- Trường hợp phạm nhân là phụ nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi:

- + Nếu phạm nhân là phụ nữ có thai nhưng không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi ở hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết; được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khỏe; được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của Bộ luật Lao động. Trong thời gian nghỉ sinh con, phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sĩ hoặc bác sĩ, được cấp phát thực phẩm, đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh. Trường hợp phạm nhân là nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- + Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị đăng ký khai sinh cho con của phạm nhân. Ủy ban

nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án có trách nhiệm đăng ký và cấp giấy khai sinh.

+ Trong trường hợp phạm nhân là nữ có con từ 36 tháng tuổi trở lên, phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng. Trường hợp con của phạm nhân không có thân nhân nhận nuôi dưỡng thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội nơi phạm nhân chấp hành án chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phải chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, nuôi dưỡng. Người chấp hành xong án phạt tù được nhận lại con đang được cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng.

+ Trường hợp con của phạm nhân dưới 36 tháng tuổi hoặc từ 36 tháng tuổi trở lên nhưng đang trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội sẽ được trại giam tổ chức nhà trẻ ngoài khu giam giữ để chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.4. Quyền được tôn trọng nhân phẩm, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp.

Khoản 3
Điều 4,

Trong thời gian chấp hành án phạt tù,

Khoản 9
Điều 9
LTHAHS
năm 2010.

phạm nhân được tôn trọng nhân phẩm, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân, không ai có quyền truy bức, dùng nhục hình, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của họ.

1.5. Quyền khiếu nại, tố cáo

- Về khiếu nại

Khoản 7
Điều 4,
Khoản 1
Điều 150
LTHAHS
năm 2010

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành án hình sự nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thời hạn khiếu nại lần đầu là 30 ngày, kể từ ngày nhận hoặc biết được quyết định, hành vi thi hành án mà phạm nhân cho rằng có vi phạm pháp luật. Lần khiếu nại tiếp theo thời hiệu là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền.

Điều 154
LTHAHS
năm 2010

Là người khiếu nại, phạm nhân có quyền:

- + Tự mình khiếu nại hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại;

- + Khiếu nại trong bất kỳ thời gian nào của quá trình thi hành án phạt tù;

- + Rút khiếu nại trong bất kỳ thời gian

nào của quá trình giải quyết khiếu nại;

+ Được nhận văn bản trả lời về việc giải quyết khiếu nại;

+ Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Nhưng cũng có những nghĩa vụ sau:

+ Phải trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu đó.

+ Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

- Về tố cáo

Điều 165,
Điều 166
LTHAHS
năm 2010

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân có quyền tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền nào trong thi hành án hình sự gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Là người tố cáo, phạm nhân có quyền:

+ Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền;

+ Yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút

tích của mình;

+ Yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù.

Bên cạnh đó, phạm nhân còn có nghĩa vụ:

+ Trình bày trung thực về nội dung tố cáo;

Nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình;

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật.

Về thời hạn giải quyết tố cáo pháp luật quy định là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết tố cáo có thể dài hơn nhưng không quá 90 ngày.

Trường hợp tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm thì sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Nghĩa vụ của phạm nhân

Các khoản
2, 3 Điều 4;
Khoản 1, 2,
3 Điều 9;
Khoản 2
Điều 26

2.1. Phạm nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành bản án, quyết định của Tòa án, nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh, quyết định, yêu cầu, tuân thủ sự hướng dẫn của cán bộ trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành

LTHAHS
năm 2010;
Nghị định
số
64/2011/NĐ
-CP;

Thông tư
36/2011/TT
-BCA của
Bộ trưởng
Bộ Công an
ban hành
Nội quy trại
giam

án hình sự Công an cấp huyện; tự giác rèn luyện, tích cực học tập, lao động cải tạo, tự nguyện bồi thường thiệt hại và giúp đỡ các phạm nhân khác đang chấp hành án phạt tù cùng cải tạo tiến bộ trở thành người có ích cho xã hội.

Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân không được có hành vi vi phạm pháp luật; phá hủy cơ sở giam giữ, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cơ sở giam giữ; tổ chức trốn hoặc trốn khỏi nơi quản lý phạm nhân; tổ chức trốn hoặc trốn khi đang bị áp giải thi hành án, đánh tháo phạm nhân, người bị áp giải thi hành án; không được cản trở việc chấp hành án phạt tù của phạm nhân khác; phải tố giác kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của phạm nhân khác; không được tổ chức, kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về thi hành án hình sự; không được trả thù, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người có trách nhiệm thi hành án hình sự.

2.2. Trong quá trình chấp hành án tại trại giam, phạm nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đúng quy định về thời gian, hiệu lệnh, lễ tiết trong sinh hoạt, học tập, lao động, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí.

Khi có lệnh tập hợp, phạm nhân phải nhanh chóng xếp hàng theo tổ, đội và giữ

trật tự; trường hợp có báo động thì phải giữ nguyên vị trí và tuyệt đối tuân theo chỉ dẫn của cán bộ trại giam.

Khi ra, vào cổng trại giam, phạm nhân phải bỏ mũ, nón và cầm ở tay phải, báo cáo rõ họ tên, tổ, đội với cán bộ có trách nhiệm. Nếu đi theo tổ, đội thì đi thành hàng đôi; mũ, nón cầm ở tay phải đối với hàng đi bên phải, cầm ở tay trái đối với hàng đi bên trái; tổ trưởng, đội trưởng phạm nhân phải báo cáo rõ tên tổ, đội, số người với cán bộ có trách nhiệm.

2.3. Trong giao tiếp giữa các phạm nhân với nhau, phạm nhân chỉ được dùng tiếng Việt, trừ trường hợp người giao tiếp với phạm nhân khác là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số chưa biết tiếng Việt và xưng hô với nhau là “tôi”, “anh” hoặc “chị”.

Khi gặp cán bộ hay khách đến thăm hoặc làm việc với trại giam, phạm nhân phải đứng nghiêm cách xa từ 5m đến 7m, bỏ mũ, nón và cầm ở tay phải, chào cán bộ hoặc chào quý khách. Nếu tổ, đội phạm nhân gặp cán bộ, khách đến thăm hoặc làm việc thì tổ trưởng hoặc đội trưởng phạm nhân phải hô tất cả đứng nghiêm, bỏ mũ, nón và thay mặt tập thể phạm nhân chào cán bộ hoặc quý khách. Phạm nhân phải xưng với cán bộ là “tôi” và “cán bộ”,

với khách là “tôi” và “quý khách”.

2.4. Phạm nhân phải nằm đúng chỗ đã quy định trong buồng giam, giữ gìn vệ sinh chỗ ở và nơi công cộng; không được tự tiện đi lại quá phạm vi quy định; hàng ngày phải chịu sự điểm danh, kiểm diện của cán bộ trại giam; không được tự ý thay đổi chỗ nằm hoặc có hành vi gây mất an ninh, trật tự trại giam.

2.5. Phạm nhân không được sử dụng tiền mặt, giấy tờ có giá tại nơi chấp hành án. Việc mua lương thực, thực phẩm và các hàng hóa khác để phục vụ đời sống, sinh hoạt tại nơi chấp hành án được thực hiện bằng hình thức ký sổ. Nếu phạm nhân có những tài sản là vàng, bạc, ngoại tệ, tiền Việt Nam, cổ phiếu, trái phiếu, đồng hồ, đồ trang sức quý hiếm, các loại máy móc, thiết bị, giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hộ chiếu, văn bằng, chứng chỉ, các loại giấy tờ có giá trị khác và quần áo, tư trang chưa sử dụng thì phải lưu ký trại giam.

Tuyệt đối nghiêm cấm phạm nhân đưa vào trại giam các loại máy móc, thiết bị thông tin liên lạc, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất gây mê, chất độc, chất cháy, chất gây cháy, chất phóng xạ, hóa chất, độc dược, ma túy, thuốc tân dược có thành phần gây nghiện, rượu, bia và các chất kích thích khác, các loại thiết bị kỹ

thuật điện tử (máy ghi âm, ghi hình, máy nghe nhìn, điện thoại, bộ đàm), các loại ấn phẩm (sách, báo) bằng tiếng nước ngoài, các ấn phẩm về tôn giáo, tín ngưỡng chưa qua kiểm duyệt, tranh, ảnh, phim, băng, đĩa có nội dung mê tín dị đoan, phản động, đồi trụy, các loại bài lá và các loại sách báo, ấn phẩm gây ảnh hưởng xấu đến việc thi hành án, các đồ vật khác có thể gây mất an toàn trại giam, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường hoặc để sử dụng vào mục đích đánh bạc.

2.6. Quần, áo phạm nhân sử dụng phải được đóng dấu (trừ quần lót và áo lót ba lỗ), dấu “phạm nhân” đóng phía trước quần, sau lưng áo, trước ngực trái áo đóng dấu “tên và 7 số cuối của số hồ sơ phạm nhân”. Khi học tập, sinh hoạt tập thể, ra vào cổng trại giam, gặp thân nhân hoặc tiếp xúc với người ngoài trại giam, phạm nhân phải mặc quần áo dài do trại giam cấp. Phạm nhân nam phải cắt tóc ngắn, không được cắt tóc dài và không được để râu, ria mép.

Phạm nhân tuyệt đối không được cho mượn hoặc sửa chữa khác kiểu quần áo do trại giam cấp, hoặc tẩy xóa dấu đóng trên quần áo.

2.7. Đến giờ quy định, phạm nhân nhận khẩu phần ăn của mình và phải ăn đúng

nơi quy định, không được tự đun nấu trong khu vực giam giữ và tự tập ăn uống.

2.8. Phạm nhân không được phép mua bán, trao đổi, vay mượn bất cứ thứ gì dưới bất kỳ hình thức nào với phạm nhân khác hay với người khác. Khi cần tương trợ vật chất với phạm nhân khác, phải được sự đồng ý của cán bộ trại giam.

2.9. Khi được phép gặp thân nhân hoặc tiếp xúc với người nước ngoài, phạm nhân phải chấp hành đúng quy định của pháp luật và chịu sự giám sát của cán bộ trại giam.

Trong quá trình chấp hành án tại trại giam, phạm nhân không được liên lạc điện thoại, gửi, nhận thư, tiền, quà, gặp thân nhân, tiếp xúc với người ngoài khi chưa được phép của Giám thị trại giam.

2.10. Phạm nhân phải lao động, học nghề đúng nơi quy định của trại giam, chấp hành nghiêm kỷ luật lao động; tích cực lao động, học nghề theo sự hướng dẫn của cán bộ trại giam. Khi ốm đau, phải có xác nhận của cán bộ y tế thì mới được nghỉ lao động. Pháp luật nghiêm cấm phạm nhân chây lười, trốn tránh lao động, học nghề hoặc có hành vi cản trở việc lao động, học nghề của người khác; thuê, bắt phạm nhân khác phục vụ, làm thay công việc của mình hoặc của phạm nhân khác

dưới mọi hình thức.

2.11. Phạm nhân phải chấp hành nghiêm chỉnh hướng dẫn của cán bộ trại giam trong học tập và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí.

Nghiêm cấm phạm nhân bói toán, cúng lễ, truyền đạo, thực hành các hình thức mê tín, dị đoan, đánh bạc dưới mọi hình thức hoặc có lời nói, hành vi thiếu văn hóa hoặc xúc phạm đến cán bộ, người khác.

2.12. Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân có trách nhiệm bảo vệ tài sản của trại giam, của mình và của người khác, báo cáo kịp thời cho cán bộ trại giam về các hành vi xâm phạm đến tài sản đó.

2.13. Phạm nhân không được đe dọa, đánh đập, ức hiếp, cưỡng đoạt lẫn nhau, hủy hoại thân thể, tự xăm trổ lên thân thể người khác, tự đeo lên cơ thể mình hoặc đeo cho người khác những vật thể bằng kim loại hoặc chất khác; không được đồng tính luyến ái, quan hệ tình dục giữa phạm nhân với nhau hoặc với người khác (trừ quan hệ vợ, chồng khi được phép); không được lập hoặc tham gia hội, băng, nhóm dưới tất cả hình thức nào.

2.14. Phạm nhân không được hút thuốc lá, thuốc Lào trong buồng giam, bệnh xá,

buồng kỷ luật, thư viện, phòng đọc sách, nơi học tập, sinh hoạt tập thể, nhà xưởng lao động, học nghề, nơi có thể gây cháy, nổ hoặc những nơi có treo biển “cấm lửa”, “cấm hút thuốc”.

3. Chế độ đối với phạm nhân

3.1. Chế độ quản lý, giam giữ

Điều 27
LTHAHS
2010

Điều 6 Nghị
định
117/2011/
NĐ-CP

- Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân được trại giam phân loại và tổ chức giam giữ theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự (được bảo vệ nghiêm ngặt và an toàn, có lực lượng vũ trang bảo vệ, tuần tra, canh gác 24/24 giờ. Các buồng giam được xây dựng chắc chắn, có đủ ánh sáng, vệ sinh môi trường).

- Trường hợp phạm nhân có mức án tù trên 15 năm, tù chung thân, phạm nhân thuộc loại tái phạm nguy hiểm sẽ bị giam giữ nghiêm ngặt (công trình giam giữ kiên cố, vững chắc, có tường rào ngăn cách nhà giam và khu giam giữ khác, có hệ thống an ninh để theo dõi, giám sát...) tại Khu I.

- Trường hợp phạm nhân có mức án tù từ 15 năm trở xuống, phạm nhân có mức án tù trên 15 năm đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù còn dưới 15 năm sẽ được quản lý giam giữ tại Khu II.

- Phạm nhân nữ sẽ được giam giữ riêng ở từng khu giam, tập trung tại một phân

trại, có tường, rào ngăn cách với các nhà giam khác.

- Phạm nhân chưa thành niên cũng được bố trí giam giữ riêng trong từng khu giam, tập trung tại một phân trại, có tường, rào ngăn cách với các nhà giam khác. Khi đủ 18 tuổi sẽ được chuyển sang khu giam giữ tại khu giam giữ phạm nhân là người thành niên.

- Phạm nhân là người nước ngoài thì được giam giữ tại khu vực riêng trong từng khu giam, tại phân trại gần trung tâm chỉ huy, có tường, rào ngăn cách với các nhà giam khác.

- Trường hợp phạm nhân bị bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm thì được giam giữ cách ly, có tường, rào ngăn cách với các nhà giam khác.

- Phạm nhân có dấu hiệu bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, trong thời gian chờ quyết định của Tòa án để đưa đi giám định, chữa bệnh cũng được giam giữ riêng.

- Phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy trại giam cũng được giam giữ riêng trong từng khu giam.

- Trường hợp phạm nhân có biểu hiện câu kết, móc nối với các phạm nhân khác

hoặc các đối tượng bên ngoài tìm cách chống phá, trốn trại giam hoặc có hành vi chống đối quyết liệt thì cũng được giam giữ riêng trong từng khu giam.

- Trong quá trình chấp hành án tại trại giam, phạm nhân được giam giữ trong buồng giam theo quy định, khi ra khỏi buồng giam phải có lệnh của Giám thị trại giam. Trước khi vào, ra khỏi buồng giam, cán bộ có trách nhiệm của trại giam sẽ điểm danh, điểm diện.

- Mọi người, kể cả cán bộ, nhân viên trại giam không có nhiệm vụ, nếu không được phép của Giám thị trại giam thì không được vào khu vực buồng giam, không được tiếp xúc với phạm nhân.

3.2. Chế độ ăn, ở

- Chế độ ăn

Các khoản
1, 2, 3 Điều
42

LTHAHS
năm 2010;

Điều 8 Nghị
định

117/2011/
NĐ-CP

+ Tiêu chuẩn định lượng ăn trong một tháng của phạm nhân là: 17 kg gạo tẻ thường; 0,7 kg thịt; 0,8 kg cá; 0,5 kg đường loại trung bình; 01 kg muối; 15 kg rau xanh; 0,75 lít nước mắm; 0,1 kg bột bột; chất đốt tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật (Tết Nguyên đán gồm 01 ngày cuối năm và 03 ngày đầu năm âm lịch; Tết dương lịch; ngày Giỗ tổ Hùng Vương; các ngày lễ: 30/4, 1/5, 2/9), phạm nhân sẽ được ăn thêm nhưng mức ăn không quá

năm lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

+ Trường hợp phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật, định lượng ăn của phạm nhân có thể được tăng thêm 15% so với tiêu chuẩn định lượng nêu trên. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành hình sự Công an cấp huyện có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn nêu trên cho phù hợp với thực tế để bảo đảm cho phạm nhân ăn hết tiêu chuẩn.

+ Ngoài những tiêu chuẩn về ăn như trên, phạm nhân còn được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng không được quá ba lần định lượng trong 01 tháng cho mỗi phạm nhân.

+ Phạm nhân được bảo đảm ăn, uống vệ sinh, an toàn thực phẩm nhưng nghiêm cấm sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.

+ Trong trường hợp phạm nhân bị ốm, tiêu chuẩn ăn, nghỉ của phạm nhân do Giám thị trại giam quyết định theo chỉ định của cơ sở y tế.

Khoản 6
Điều 8
Nghị định
117/2011/
NĐ-CP

+ Phạm nhân nữ trong thời gian mang thai, nghỉ sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ định của y sĩ hoặc bác sĩ và được tăng thêm định lượng về thịt, cá từ 20% đến 30% so với

định lượng thường.

- Chế độ ở

Điều 27,
Khoản 4
Điều 42
LTHAHS
năm 2010;

Điều 9,
Khoản 2
Điều 14
Nghị định
117/2011/
NĐ-CP

Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân được ở theo buồng giam tập thể, trừ những trường hợp được giam giữ riêng theo quy định.

Chỗ nằm tối thiểu của một phạm nhân là 02 mét vuông ($2m^2$), có bộ gạch men, ván sàn hoặc giường.

Trong trường hợp phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 mét vuông ($3m^2$), có bộ gạch men, ván sàn hoặc giường.

Chỗ nằm tối thiểu của phạm nhân người chưa thành niên là 03 mét vuông ($3m^2$), có ván sàn hoặc giường.

3.3. Chế độ mặc và tư trang

Điều 43
LTHAHS
năm 2010;

Điều 10,
Điều 14
Nghị định
117/2011/
NĐ-CP

- Phạm nhân được cấp quần áo theo mẫu thống nhất, khăn mặt, chăn, chiếu, màn, dép, mũ hoặc nón, xà phòng (mỗi năm được phát 02 bộ quần áo dài bằng vải thường theo mẫu thống nhất, 02 bộ quần áo lót, 02 khăn mặt, 02 chiếc chiếu, 02 đôi dép, 01 mũ hoặc nón, 01 áo mưa nilông, 03 bàn chải đánh răng, 600g kem đánh răng loại thông thường, mỗi tháng được cấp 0,3 kg xà phòng giặt).

- Phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng

cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ (*có giá trị tương đương với giá của 02 kg gạo tẻ thường*); 04 năm được cấp 01 màn, 01 chăn. Nếu chấp hành án tại các trại giam từ thành phố Đà Nẵng trở vào phạm nhân được phát chăn sợi; từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra được phát chăn bông không quá 02 kg và 01 áo ấm dùng trong 03 năm.

Khoản 6
Điều 8 Nghị
định
117/2011/
NĐ-CP

Phạm nhân nữ trong thời gian mang thai, nghỉ sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi được cấp phát các đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh. Phạm nhân nữ sinh con trong trại giam được cấp 07 mét vải thường để làm tã lót.

- Nếu tham gia lao động, mỗi năm phạm nhân được phát 02 bộ quần áo bảo hộ lao động và căn cứ vào điều kiện công việc cụ thể được cấp dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết khác.

Mẫu, màu quần áo và phương tiện bảo hộ lao động của của phạm nhân do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Khoản 5
Điều 14
Nghị định
117/2011/
NĐ-CP

- Phạm nhân là người chưa thành niên, ngoài tiêu chuẩn mặc và tư trang như phạm nhân là người thành niên, mỗi năm được cấp thêm 01 bộ quần áo dài, 01 mũ cứng, 01 mũ vải. Nếu chấp hành án tại các trại giam từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra, mỗi năm phạm nhân được cấp thêm 01 áo

ấm, 02 đôi tất và 01 mũ len. Mỗi quý, được cấp thêm 01 lọ nước gội đầu 200 ml loại thông thường. Nếu chấp hành án ở các trại giam từ thành phố Đà Nẵng trở vào, phạm nhân được cấp một chăn sợi dùng trong 02 năm. Nếu chấp hành án tại các trại từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra, mỗi năm phạm nhân được cấp 01 chăn bông không quá 02 kg, có vỏ dùng trong 02 năm.

3.4. Chế độ thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ

Điều 44
LTHAHS
năm 2010;
Điều 12,
Nghị định
117/2011/
NĐ-CP

Phạm nhân được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án.

Mỗi phân trại trong trại giam, khu giam giữ phạm nhân trong trại giam được trang bị 01 hệ thống loa truyền thanh, 01 hệ thống truyền hình cáp nội bộ; mỗi buồng giam tập thể dưới 30 phạm nhân được trang bị 01 máy vô tuyến truyền hình màu có kích thước 21 inch trở lên; buồng giam từ 30 phạm nhân trở lên được trang bị một máy vô tuyến truyền hình có kích thước màn hình từ 29 inch trở lên; 30 phạm nhân được phát 01 tờ báo nhân dân.

Mỗi phân trại giam được thành lập thư viện, khu vui chơi, sân thể thao.

Thời gian hoạt động thể dục, thể thao,

sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình của phạm nhân được thực hiện theo quy định của bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Khoản 6
Điều 14
Nghị định
117/2011/
NĐ-CP

Thời gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và vui chơi giải trí của phạm nhân là người chưa thành niên được tăng gấp 02 lần so với phạm nhân là người thành niên.

3.5. Chế độ gặp thân nhân, nhận quà

Điều 46
LTHAHS
năm 2010

Điều 3,
Khoản 5
Điều 5,
Khoản 2
Điều 6
Thông tư số
46/2011/TT
/BCA ngày
30/6/2011
của Bộ
trưởng Bộ
Công an
quy định
việc phạm
nhân gặp
thân nhân;
nhận, gửi
thư; nhận

- Trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân được gặp thân nhân 01 lần trong 01 tháng (trừ trường hợp vi phạm nội quy trại giam đang bị giam tại buồng kỷ luật), mỗi lần gặp không quá 01 giờ, trường hợp chấp hành tốt nội quy trại giam, tích cực học tập, lao động cải tạo thì được kéo dài thời gian nhưng không quá 03 giờ. Nếu phạm nhân được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm một lần trong 01 tháng. Nếu chấp hành tốt nội quy, hoặc lập công thì được gặp vợ hoặc chồng ở phòng riêng trong nhà thăm gặp không quá 24 giờ. Trường hợp đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác có đề nghị được gặp phạm nhân thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, giải quyết.

- Phạm nhân là người chưa thành niên

tiền, quà và
liên lạc điện
thoại với
thân nhân

(Thông tư
số
46/2011/TT
/BCA)

đang chấp hành án phạt tù được gặp thân nhân không quá 03 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ; nếu chấp hành tốt Nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, tích cực học tập, lao động hoặc để thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thì được kéo dài thời gian nhưng không quá 24 giờ.

- Phạm nhân được gặp thân nhân theo chế độ thăm gặp vào tất cả các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định. Thời gian thăm gặp trong ngày buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30 phút.

- Khi giao tiếp, phạm nhân và người đến thăm phải nói bằng tiếng Việt, trường hợp phạm nhân là người dân tộc ít người hoặc người nước ngoài không biết tiếng Việt thì phải qua phiên dịch hoặc cán bộ biết tiếng dân tộc hoặc tiếng nước đó giám sát.

- Khi gặp thân nhân, phạm nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy trại giam, nội quy nhà tạm giữ và tuân theo sự hướng dẫn của cán bộ làm nhiệm vụ tổ chức thăm gặp. Trước khi gặp thân nhân, phạm nhân phải vệ sinh sạch sẽ, phải mặc quần áo dài đã được phát và đi giày hoặc dép. Trường hợp phạm nhân mới đến chấp hành án, chưa được phát quần áo thì được trại cho mượn quần áo hoặc mặc quần áo thường (nếu có), nhưng phải đóng dấu

theo quy định.

- Khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác, phạm nhân được nhận thư, tiền mặt, đồ vật, trừ đồ vật thuộc danh mục cấm. Đối với tiền mặt, phạm nhân phải gửi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý. Việc quản lý, sử dụng đồ vật, tiền mặt của phạm nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Phạm nhân được nhận tiền mặt, đồ vật do thân nhân gửi 02 lần trong một tháng (ngoài trường hợp đã nhận khi gặp thân nhân) mỗi lần không quá 05 kg (nếu gửi 01 lần thì không quá 10 kg). Nếu trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành tốt nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; có thành tích trong lao động, học tập hoặc lập công thì được nhận thêm 01 lần quà không quá 05 kg. Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải tổ chức kiểm tra thư, quà gửi qua đường bưu điện cho phạm nhân và xử lý theo quy định của pháp luật.

3.6. Chế độ liên lạc với thân nhân

- Phạm nhân được gửi mỗi tháng 02 lá thư; trường hợp cần thiết như phạm nhân ốm nặng hoặc phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thì được

Điều 47
LTHAHS
năm 2010;
Điều 9,

Điều 13
Thông tư số
46/2011/TT
/BCA

gửi điện tín. Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải tổ chức kiểm tra, kiểm duyệt thư, điện tín mà phạm nhân gửi và nhận.

- Bên cạnh việc gửi và nhận thư, phạm nhân còn được liên lạc điện thoại trong nước với thân nhân mỗi tháng 01 lần, mỗi lần không quá 05 phút.

Trường hợp phạm nhân là người chưa thành niên đang chấp hành án thì được liên lạc điện thoại với thân nhân mỗi tháng không quá 04 lần, mỗi lần không quá 10 phút.

- Nếu phạm nhân chấp hành tốt nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, có thành tích trong lao động, học tập thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định tăng thêm mỗi tháng 01 lần liên lạc điện thoại với thân nhân.

- Chi phí cho việc liên lạc với thân nhân do phạm nhân tự chi trả.

- Khi liên lạc điện thoại với thân nhân, phạm nhân phải nói bằng tiếng Việt, nếu là người dân tộc ít người, người nước ngoài không biết tiếng Việt thì phải có người biết tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc đó giám sát. Trường hợp đặc biệt, phạm

nhân có yêu cầu phải trao đổi với thân nhân để giải quyết những vấn đề cấp bách liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của phạm nhân thì Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định thêm thời lượng và nội dung trao đổi điện thoại với thân nhân.

- Nếu phạm nhân đang bị thi hành kỷ luật tại buồng kỷ luật hoặc đang có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, hoặc đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử về những tội khác hoặc có liên quan đến vụ án khác đang được xem xét, xử lý thì không được liên lạc điện thoại với thân nhân.

- Mọi cuộc liên lạc điện thoại của phạm nhân với thân nhân đều có cán bộ giám sát. Pháp luật nghiêm cấm phạm nhân liên lạc điện thoại ra nước ngoài, liên lạc không đúng số điện thoại, nội dung đăng ký, dùng tiếng lóng, tiếng nước ngoài hoặc dùng tiếng dân tộc ít người để liên lạc mà không có cán bộ trại giam biết tiếng đó giám sát. Nếu cán bộ giám sát phát hiện nội dung trao đổi không đúng với nội dung đăng ký, trái với yêu cầu giáo dục, ảnh hưởng đến an ninh trật tự thì phải dừng ngay cuộc gọi, trường hợp xét thấy cần thiết phải lập biên bản, đề xuất xử lý kỷ luật.

Điều 36
LTHAHS
năm 2010

3.7. Khen thưởng

- Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành tốt nội quy, quy chế trại giam, có thành tích trong lao động hoặc lập công thì được khen thưởng theo một hoặc nhiều hình thức sau:

- + Biểu dương;
- + Thưởng tiền hoặc hiện vật;
- + Tặng số lần được liên lạc bằng điện thoại, số lần gặp thân nhân, số lần và số lượng quà được nhận.

- Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định khen thưởng phạm nhân.

- Việc khen thưởng đối với phạm nhân được thể hiện bằng văn bản, được lưu vào hồ sơ phạm nhân, được ưu tiên đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và đề nghị xét đặc xá theo quy định của pháp luật.

3.8. Xử lý vi phạm

Điều 38
LTHAHS
năm 2010

- Trong thời gian chấp hành án phạt tù, nếu phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế trại giam hoặc có hành vi vi phạm pháp

luật thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau;

- + Khiển trách;
- + Cảnh cáo;
- + Giam tại buồng kỷ luật đến 10 ngày.

Trong thời gian bị giam tại buồng kỷ luật, phạm nhân không được gặp thân nhân và có thể bị cùm chân. Nếu phạm nhân là người chưa thành niên, là phụ nữ, là người già yếu thì không áp dụng cùm chân đối với họ.

- Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kỷ luật phạm nhân bằng văn bản và lưu hồ sơ.

- Trường hợp hành vi vi phạm của phạm nhân có dấu hiệu tội phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu phạm nhân làm hư hỏng, làm mất hoặc hủy hoại tài sản nơi chấp hành án, hoặc gây thiệt hại cho người khác thì phải bồi thường quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm nội dung
HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Biên tập
LÊ KHẮC QUANG